

CÔNG TY TNHH AN PHÚ CẦN THƠ



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở: “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ”

Địa điểm cơ sở: Phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Cần Thơ, tháng 07/2025

CÔNG TY TNHH AN PHÚ CẦN THƠ



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở: “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ”

Địa điểm cơ sở: Phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ



CHỦ CƠ SỞ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đăng Khoa

Cần Thơ, tháng 07/2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ	4
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1.1. Tên chủ cơ sở.....	5
1.2. Tên cơ sở	5
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	7
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	13
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	14
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	14
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất của cơ sở	14
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở	15
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	16
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	22
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	22
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	22
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	24
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	24
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	25
3.1.3. Xử lý nước thải	26
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	33
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	36

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	36
3.5. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	37
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	38
3.7. Các nội dung thay đổi so với kế hoạch bảo vệ môi trường	43
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	44
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	44
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	46
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	47
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	47
Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	50
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	50
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	51
5.3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	52
5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	52
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	53
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	53
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	53
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	53
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	53
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	53
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	54
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	54
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	55

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hoá
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân
KCN	:	Khu công nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Bảng 1. 1. Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở	7
Bảng 1. 2. Khối lượng vật tư, nguyên liệu cho việc sửa chữa phát sinh	14
Bảng 1. 3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	16
Bảng 1. 4. Tọa độ địa lý khu đất của cơ sở	17
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật các bể xử lý HTXLNT tập trung của cơ sở	30
Bảng 3. 2. Các loại máy móc, thiết bị lắp đặt trong HTXLNT của cơ sở	30
Bảng 3. 3. Danh mục hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải của cơ sở	32
Bảng 3. 4. Tải lượng và nồng độ khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng	34
Bảng 3. 5. Thành phần, khối lượng CTNH và chất thải phải kiểm soát phát sinh tại cơ sở	37
Bảng 3. 5. Sự cố khẩn cấp liên quan đến nước thải và quy trình ứng phó	39
Bảng 3. 7. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở	43
Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở	14
Hình 1. 2. Vị trí của cơ sở trên Google Map	17
Hình 1. 3. Minh họa tọa độ các điểm mốc giới hạn của cơ sở	18
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải của cơ sở	24
Hình 3. 2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	25
Hình 3. 3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở	26
Hình 3. 3. Cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn	27
Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ HTXL nước thải tập trung của cơ sở	28
Hình 3. 6. Minh họa công nghệ xử lý nước thải SBR	29

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH An Phú Cần Thơ
- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 4357, Tờ bản đồ số 2, Dự án Chỉnh trang và Phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, đường Lê Hồng Nhi, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (nay là phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ).
- Thông tin về người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên: VƯƠNG XUÂN VŨ Chức vụ: Giám đốc
 - Sinh ngày: 09/9/1982 Quốc tịch: Việt Nam
 - Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
 - Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001082022823 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp.
- Địa chỉ thường trú: Thôn Quang Hội, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ liên lạc: Đường Phan Chu Trinh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1801624611, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 04/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/9/2024.
- Quyết định chủ trương đầu tư số 1349/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
- Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chấp thuận đầu tư dự án “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ”.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ
- Địa điểm cơ sở: phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (nay là phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ).
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
 - + Quyết định chủ trương đầu tư số 1349/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

+ Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chấp thuận đầu tư dự án “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ”.

+ Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của ủy ban nhân dân quận Cái Răng phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

+ Văn bản số 3186/SXD-QLXD ngày 01/11/2019 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ tại phường Ba Láng, quận Cái Răng do Công ty TNHH An Phú Cần Thơ làm chủ đầu tư.

+ Giấy phép xây dựng số 73/GPXD ngày 10/12/2019 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình Chung cư nhà ở xã hội thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

+ Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 20/3/2020 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình hạng mục nhà ở liên kế (mẫu A, mẫu B) và hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

+ Giấy phép xây dựng số 53/GPXD ngày 22/7/2020 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình hạng mục nhà ở liên kế (các khu A1, A3, A4, B2, C, D) thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 35/GXN-STNMT ngày 18/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 61/GP-UBND ngày 10/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

- Quy mô của cơ sở (theo tiêu chí quy định tại Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ): Tổng vốn đầu tư của cơ sở (theo Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND thành phố Cần Thơ về việc chấp thuận đầu tư dự án “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ”) là: **161.846.000.000 đồng** (Một trăm sáu mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu đồng Việt Nam), do đó cơ sở được phân loại là Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (Quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng nhà ở kèm theo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân (cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường).

- Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III theo quy định tại mục số 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

Cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, đã có Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 35/GXN-STNMT ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ sở có phát sinh nước thải phải được xử lý trước khi xả ra môi trường và có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III, vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 39 và khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, và thẩm quyền cấp giấy phép môi trường là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Quy mô của cơ sở theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ xác nhận tại Giấy xác nhận số 35/GXN-STNMT ngày 18/10/2019 và đề nghị cấp phép tại hồ sơ này như sau:

- Diện tích cơ sở: 17.318,5 m²

- Quy mô dân số: 680 người (bao gồm 86 căn nhà ở liên kế đáp ứng cho 430 người và 100 căn hộ trong khu chung cư nhà ở xã hội đáp ứng cho 250 người)

Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở như sau:

Bảng 1. 1. Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích khuôn viên (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Dân số (người)
A	Các hạng mục công trình chính					
1	Khu nhà liên kế (Khu A)					
	Nhà phố 8 m (A1)	115,45	87,78	76	3	5
	Nhà phố 8 m (A2)	98,83	70,63	71,5	3	5
	Nhà phố 8 m (A3)	82,31	65,82	80	3	5
	Nhà phố 8 m (A4)	89,00	68,23	76,7	3	5
	Nhà phố 7,5 m (A5)	86,24	52,46	60,8	3	5
	Nhà phố 4 m (A6)	73,38	57,6	78,5	3	5
	Nhà phố 4 m (A7)	73,56	57,6	78,3	3	5

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:
Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ*

TT	Hạng mục công trình	Diện tích khuôn viên (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Dân số (người)
	Nhà phố 4 m (A8)	73,72	57,6	78,1	3	5
	Nhà phố 4 m (A9)	74,10	57,6	77,7	3	5
	Nhà phố 4 m (A10)	74,22	57,6	77,6	3	5
	Nhà phố 4 m (A11)	74,39	57,6	77,4	3	5
	Nhà phố 4 m (A12)	74,56	57,6	77,3	3	5
	Nhà phố 4 m (A13)	74,72	57,6	77,1	3	5
	Nhà phố 4 m (A14)	74,89	57,6	76,9	3	5
	Nhà phố 4 m (A15)	75,06	57,6	76,7	3	5
	Nhà phố 4 m (A16)	75,22	57,6	76,6	3	5
	Nhà phố 4 m (A17)	75,39	57,6	76,4	3	5
	Nhà phố 4 m (A18)	75,56	57,6	76,2	3	5
	Nhà phố 4 m (A19)	75,73	57,6	76,1	3	5
	Nhà phố 4 m (A20)	75,89	57,6	75,9	3	5
	Nhà phố 4 m (A21)	76,06	57,6	75,7	3	5
	Nhà phố 4 m (A22)	76,23	57,6	75,6	3	5
	Nhà phố 4 m (A23)	76,40	57,6	75,4	3	5
	Nhà phố 4 m (A24)	76,81	57,6	75,0	3	5
	Nhà phố 4 m (A25)	76,98	57,6	74,8	3	5
	Nhà phố 4 m (A26)	77,08	57,6	74,7	3	5
	Nhà phố 4 m (A27)	77,00	57,6	74,8	3	5
	Nhà phố 4 m (A28)	76,70	57,6	75,1	3	5
	Nhà phố 4 m (A29)	76,43	57,6	75,4	3	5
	Nhà phố 4 m (A30)	76,17	57,6	75,6	3	5
	Nhà phố 4 m (A31)	75,91	57,6	75,9	3	5
	Nhà phố 4 m (A32)	75,64	57,6	76,2	3	5
	Nhà phố 4 m (A33)	75,38	57,6	76,4	3	5
	Nhà phố 4 m (A34)	74,85	57,6	77,0	3	5
	Nhà phố 4 m (A35)	74,59	57,6	77,2	3	5
	Nhà phố 4 m (A36)	74,32	57,6	77,5	3	5
	Nhà phố 4 m (A37)	74,06	57,6	77,8	3	5
	Nhà phố 4 m (A38)	73,80	57,6	78,0	3	5
	Nhà phố 4 m (A39)	73,53	57,6	78,3	3	5
	Nhà phố 4 m (A40)	73,27	57,6	78,6	3	5
	Nhà phố 4 m (A41)	73,01	57,6	78,9	3	5
	Nhà phố 4 m (A42)	72,93	57,6	79,0	3	5
2	Khu nhà liên kế (Khu B)					
	Nhà phố 4,5 m (B1)	81,90	62,55	76,4	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B2)	81,90	62,55	76,4	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B3)	81,92	62,55	76,4	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B4)	81,92	62,55	76,4	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B5)	81,93	62,55	76,3	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B6)	81,93	62,55	76,3	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B7)	81,94	62,55	76,3	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B8)	81,95	62,55	76,3	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B9)	81,96	62,55	76,3	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B10)	81,97	62,55	76,3	3	5

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:
Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ*

TT	Hạng mục công trình	Diện tích khuôn viên (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Dân số (người)
	Nhà phố 4,5 m (B11)	81,97	62,55	76,3	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B12)	81,97	62,55	76,3	3	5
	Nhà phố 8 m (B13)	124,98	69	55,2	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B14)	79,80	60,75	76,1	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B15)	79,80	60,75	76,1	3	5
	Nhà phố 4,5 m (B16)	79,23	60,75	76,7	3	5
3	Khu nhà liên kế (Khu C)					
	Nhà phố 5 m (C1)	65,97	52,5	79,6	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C2)	60,13	47,25	78,6	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C3)	60,85	47,25	77,6	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C4)	61,57	47,25	76,9	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C5)	62,29	47,25	75,9	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C6)	63,01	47,25	75,0	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C7)	63,72	47,25	74,1	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C8)	64,44	50,4	78,2	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C9)	65,16	50,4	77,3	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C10)	65,88	50,4	76,5	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C11)	66,60	50,4	75,7	3	5
	Nhà phố 4,5 m (C12)	67,31	50,4	74,9	3	5
	Nhà phố 5 m (C13)	68,03	50,4	74,1	3	5
4	Khu nhà liên kế (Khu D)					
	Nhà phố 5 m (D1)	92,74	72	77,6	3	5
	Nhà phố 4 m (D2)	73,95	57,6	77,9	3	5
	Nhà phố 4 m (D3)	73,87	57,6	78,0	3	5
	Nhà phố 4 m (D4)	73,83	57,6	78,0	3	5
	Nhà phố 4 m (D5)	73,79	57,6	78,1	3	5
	Nhà phố 4 m (D6)	73,75	57,6	78,1	3	5
	Nhà phố 4 m (D7)	73,70	57,6	78,2	3	5
	Nhà phố 4 m (D8)	73,65	57,6	78,2	3	5
	Nhà phố 4 m (D9)	73,62	57,6	78,2	3	5
	Nhà phố 4 m (D10)	73,57	57,6	78,3	3	5
	Nhà phố 4 m (D11)	73,53	57,6	78,3	3	5
	Nhà phố 4 m (D12)	73,48	57,6	78,4	3	5
	Nhà phố 4 m (D13)	73,44	57,6	78,4	3	5
	Nhà phố 4 m (D14)	73,54	57,6	78,3	3	5
	Nhà phố 4 m (D15)	73,82	57,6	78,0	3	5
5	Khu nhà chung cư (8 tầng)	2.050	1140	55,6	8	250
B	Các hạng mục công trình phụ trợ					
1	Nhà hàng	304,26	192,68	63,3	5	-
2	Bãi xe	351	-	-	-	-
3	Bãi đậu xe có mái che	653,8	545	83,4	1	-
4	Trạm điện	30	30	100	1	-
5	Cây xanh-TDĐT	1.877	-	-	-	-
6	Đường giao thông	5.496	-	-	-	-
C	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường					
1	Kho chứa CTNH	10	-	-	-	-

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:
Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ*

TT	Hạng mục công trình	Diện tích khuôn viên (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Dân số (người)
2	Khu vực trạm xử lý nước thải (Đặt ngầm dưới công viên cây xanh)	50	-	-	-	-
3	Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt	10	-	-	-	-
Tổng cộng		17.318,5	6.902,5	39,9	-	680

 Các hạng mục công trình chính:

- *Đối với khu nhà liên kế (xây sẵn):* Chủ cơ sở đã hoàn thiện việc xây dựng một số căn nhà liên kế theo thiết kế mẫu. Hiện tại chủ cơ sở đã hoàn thiện xây dựng hạng mục nhà ở liên kế (mẫu A, mẫu B) theo Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 20/03/2020 và hạng mục nhà ở liên kế (các khu A1, A3, A4, B2, C, D) theo Giấy phép xây dựng số 53/GPXD ngày 22/7/2020 do Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ cấp. Các lô đất nhà ở liên kế còn lại dự kiến thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây nhà ở theo quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị được phê duyệt.

- *Đối với khu chung cư nhà ở xã hội:* Hiện tại chủ cơ sở đã hoàn thiện xây dựng công trình chung cư nhà ở xã hội theo Giấy phép xây dựng số 73/GPXD ngày 10 tháng 12 năm 2019 do Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ cấp. Công trình bao gồm 1 trệt + 1 lửng + 6 tầng lầu + sân thượng + mái, với tổng số 100 căn hộ (*trong đó bao gồm 10 căn thương mại và 90 căn nhà ở xã hội*). Công trình được xây dựng tận dụng tối đa cảnh quan thiên nhiên và cây xanh sẵn có theo xu hướng hiện đại, mà vẫn thống nhất với kiến trúc của toàn dự án, kết hợp giữa vật liệu gạch, nhôm, kính tạo nên 1 hình khối vững chắc, từ đó tạo thành điểm nhấn của khu vực.

+ *Kết cấu móng:* Giải pháp móng sử dụng là móng cọc ép bê tông ly tâm ứng suất trước đường kính 500mm, 400mm. Sức chịu tải thiết kế của cọc 500 và 400 lần lượt là 120 tấn và 90 tấn. Chiều sâu mũi cọc 37m tính mặt đất tự nhiên chưa san lấp. Chiều cao đài móng điển hình là 1.200mm.

+ *Kết cấu khung:* Kết cấu công trình là kết cấu BTCT toàn khối đổ tại chỗ, sơ đồ kết cấu gồm hệ vách BTCT kết hợp sàn dầm bê tông truyền thống là kết cấu chịu tải trọng chính. Các sàn tầng tại sàn dầm bê tông truyền thống dày 120mm. Bản sàn đóng vai trò phân phối tải trọng ngang vào cho hệ cột, vách chịu lực.

+ *Tuổi thọ công trình:* Công trình thuộc cấp II tuổi thọ công trình là 50 – 100 năm trừ khi có chỉ dẫn khác.

+ *Vật liệu bê tông cốt thép:* Bê tông móng: B25 (M350); bê tông dầm sàn, cầu thang, bể nước: B25 (M350); bê tông cột, vách: B25 (M350); bê tông lót: B12.5 (M150) (TCVN 5574-2012); bê tông lanh tô: B15 (M200) (TCVN 5574-2012); cốt thép có đường kính < 10: CB200 có giới hạn chảy $f_y \geq 240\text{Mpa}$; cốt thép có đường kính ≥ 10 : CB400 có giới hạn chảy $f_y \geq 395\text{Mpa}$.

+ **Kết cấu thép:** Bản thép (tổ hợp): CCT38 có giới hạn chảy $f_y \geq 240\text{Mpa}$; thép hình: CCT38 có giới hạn chảy $f_y \geq 240\text{MPa}$ (hay tương đương); hệ giằng chéo (thép thanh và ống): CCT38 có giới hạn chảy $f_y \geq 240\text{Mpa}$; bu lông cường độ cao: Cấp bền 8.8 có cường độ chịu kéo $f_t = 400\text{Mpa}$; bu lông thường: Cấp bền 5.6 có cường độ chịu kéo $f_t = 210\text{Mpa}$; bu lông neo: CT38 có cường độ chịu kéo $f_t = 150\text{Mpa}$; que hàn điện: E42 có giới hạn chảy $f_y \geq 410\text{Mpa}$.

+ **Lớp bê tông bảo vệ cốt thép:** Trong trường hợp bất lợi nhất, điều kiện bề mặt cho kết cấu có thể xem là bình thường cho bên trong nhà và trung bình cho bên ngoài. Lớp bê tông bảo vệ theo yêu cầu về độ bền được xác định cho tất cả các thanh thép tròn bao gồm thép đai, và bao gồm cả thép chống nứt khi cần thiết. Lớp bê tông bảo vệ theo yêu cầu chống cháy, được xác định cho cốt thép chịu uốn của cầu kiện.

Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Nhà hàng: Hiện tại, cơ sở chưa triển khai xây dựng nhà hàng. Lô đất quy hoạch xây dựng nhà hàng hiện trạng đang là đất trống. Nếu dự án này hình thành trong tương lai sẽ thực hiện thủ tục môi trường theo quy định.

- Bãi xe và bãi đậu xe có mái che: Hiện cơ sở đã xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình này theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Giao thông: Cơ sở tiếp giáp với đường Lê Hồng Nhi, nối liền với tuyến đường Phạm Hùng thuận lợi cho hoạt động lưu thông ra Quốc lộ 1A. Bên cạnh đó, dự án còn thuận tiện cho hoạt động lưu thông với tuyến Quốc lộ 61C. Đường giao thông nội bộ thi công thảm nhựa, sơn kẻ vạch an toàn giao thông, lát gạch vỉa hè, gờ bó vỉa. Hiện tại, Cơ sở đã xây dựng hoàn thiện toàn bộ hệ thống đường giao thông theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Hoàn thiện thi công (*Hợp đồng nguyên tắc số 2603/VIETTEL CTO-ĐT/2020 ngày 26/12/2020 giữa Viettel Cần Thơ và Công ty TNHH An Phú Cần Thơ và đã được nghiệm thu công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng*).

- Hệ thống cấp điện: Nguồn điện được cấp từ tuyến trung thế 22kv trên đường Lê Hồng Nhi. Xây dựng 02 trạm biến áp TBA1 và TBA2 tổng công suất 1120 kVA. Hoàn thiện thi công lắp đặt hệ thống điện đường dây trung áp ngầm theo quy hoạch (lắp đặt ống, kéo dây, lắp đặt tủ, đấu nối vào hệ thống chung). Đã được Điện lực thành phố Cần Thơ nghiệm thu đóng điện, tiếp nhận vận hành, bán điện trực tiếp cho khách hàng (Biên bản ngày 22/9/2020 của Công ty Điện lực Cần Thơ về việc nghiệm thu công trình đường dây hạ áp - Dự án chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ) và đã được Sở Công thương Cần Thơ nghiệm thu (*Công văn số 389/SCT-QLNL ngày 25 tháng 2 năm 2021 của Sở Công thương về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục: hệ thống đường dây trung áp ngầm, 02 trạm biến áp 22/04kV-560kVA và đường dây hạ thế*).

- Hệ thống cấp nước: Hoàn thiện thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt cấp cho người dân (Công văn số 18/CV-CNCP ngày 11/11/2019 của Công ty CP Cấp nước Cái Răng việc việc chấp thuận đầu nối nguồn cấp nước cho dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ).

- Hạng mục nhà hàng: cơ sở hiện chưa xây dựng hạng mục này. Nếu dự án này hình thành trong tương lai sẽ thực hiện thủ tục môi trường theo quy định.

 Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Hoàn thiện 36 hố ga thoát nước mưa có lưới chắn rác và đã được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nước mưa chảy tràn phát sinh mái nhà công trình; nước mưa chảy tràn từ sân bãi, đường nội bộ được thu gom chảy về hố ga theo độ dốc nhất định tiếp tục tự chảy theo đường cống dẫn nước mưa thoát ra cống thoát nước đô thị trên đường Lê Hồng Nhi.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải: Nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại xây dựng ngầm tại mỗi công trình sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A; K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ đầu nối vào hố ga thoát nước mưa D3.T2 trong khuôn viên cơ sở trước khi thoát ra cống thoát nước đô thị trên đường Lê Hồng Nhi. Hiện tại, cơ sở đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy hoạch được duyệt (cụ thể: Nước thải sau xử lý tại HTXL nước thải tập trung công suất 150m³/ngày.đêm của cơ sở sẽ đầu nối vào hố ga thoát nước mưa D3.T2 trong khuôn viên cơ sở, sau đó sẽ theo hệ thống cống thoát nước mưa đến hố ga D1.T1 tại cổng cơ sở, giáp đường Lê Hồng Nhi. Từ hố ga D1.T1, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ đầu tư thêm 1 tuyến cống chạy dọc dưới vỉa hè đường Lê Hồng Nhi, băng qua hố ga A19 thoát nước hiện hữu trên đường Lê Hồng Nhi, xả ra mương thoát nước chung dọc đường Lê Hồng Nhi, thông ra rạch Bà Đãi và sông Ba Láng để thoát nước cho cơ sở). Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện xây dựng hệ thống thu gom, đầu nối thoát nước thải của cơ sở và xác nhận cơ sở đã hoàn thành hệ thống thu gom, thoát nước thải tại Văn bản số 281/SXD-TTQLN&CLCT ngày 25/01/2024.

- Hệ thống xử lý bụi khí thải: Hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng và từ các phương tiện giao thông của người dân là chủ yếu nên cơ sở chỉ thực hiện một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải như trồng cây xanh trong khuôn viên.

- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Rác thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt thông thường như thức ăn thừa, giấy vụn, chai nhựa,... Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh được gom về thùng chứa rác có nắp đậy, Chủ đầu tư bố trí 05 thùng

rác thể tích 240 lít có nắp đậy để tránh nước mưa và đặt tại khu vực tập kết rác (diện tích khoảng 5 m²) được bố trí tại khu vực lô đất công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật (HT) đảm bảo khoảng cách đối với các khu nhà ở. Khu vực tập kết rác có sàn bê tông, tuy không có mái che tuy nhiên rác được để trong các thùng có nắp đậy kín nên tránh nước mưa. Rác thải phát sinh từ hộ gia đình được cột kín trong túi nilon, và tập kết về khu vực chứa rác. Chủ cơ sở đại diện ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển lượng chất thải này với tần suất 01 lần/ngày, phân công nhân viên quét dọn vệ sinh mỗi ngày không để rác thải ứ đọng lại cho nên không gây mùi hôi và ô nhiễm tại khu vực tập kết rác (*hiện tại, chủ cơ sở đã ký hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 53-1/2025/HĐDV.CR với Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở đi xử lý theo đúng quy định*).

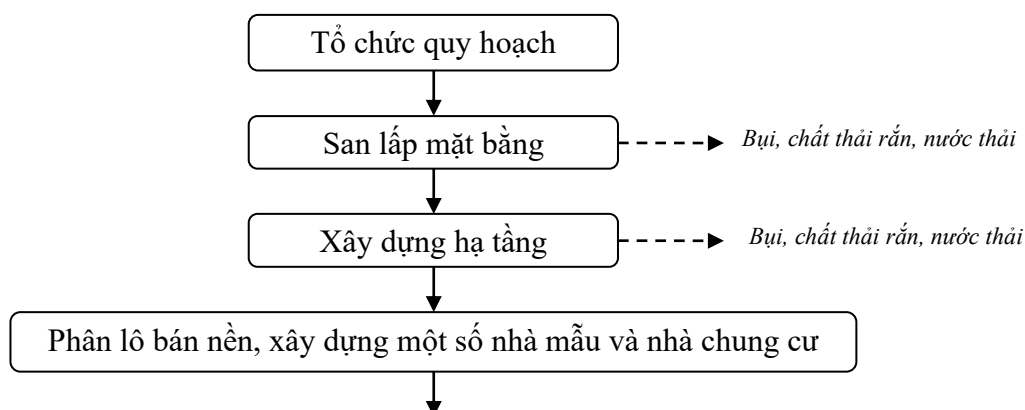
- *Kho lưu giữ chất thải nguy hại*: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của người dân như: pin thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng và từ hoạt động sửa chữa, bảo trì các thiết bị của cơ sở như dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt. Các chất thải này được phân loại và lưu giữ trong 04 thùng 60 lít. Từng loại chất thải được bố trí lưu giữ trong các thùng riêng. Kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 10m², kết cấu tường bao che xây gạch, nền bê tông có gờ chắn nước mưa, cửa kín, trên cửa dán biểu tượng cảnh báo nguy hại. Chủ cơ sở hợp đồng đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển lượng chất thải này.

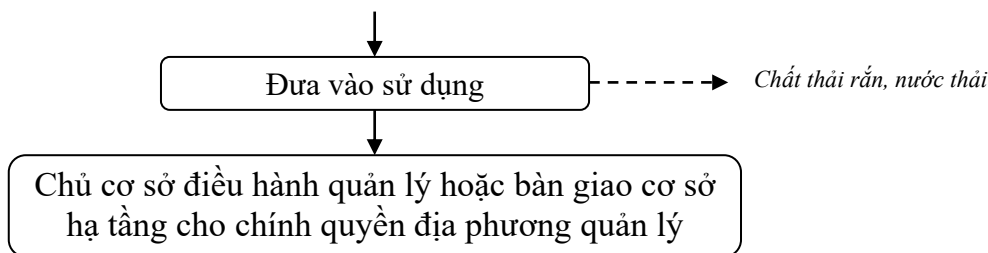
- *Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường*: tại cơ sở không có các hoạt động sản xuất nên không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- *Công trình phòng ngừa sự cố cháy nổ*: Chủ cơ sở đã đầu tư phương tiện chữa cháy như các bình chữa cháy cầm tay lắp đặt hệ thống báo cháy và lập bảng nội quy tại cơ sở, thường xuyên kiểm tra thiết bị phòng cháy chữa cháy, đồng thời thực hiện công tác tuyên truyền cho người dân sinh sống tại cơ sở.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Loại hình của cơ sở là khu đô thị, cơ sở đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và tiến hành phân lô bán nền, căn hộ với quy trình sau:





Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Sau khi được giao đất, chủ cơ sở tiến hành san lấp mặt bằng toàn bộ phần diện tích 17.318,5 m² đất được giao. Hiện tại, cơ sở đã hoàn thiện việc san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà chung cư và một số mẫu nhà ở liên kế.

Khi xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng, chủ cơ sở sẽ bàn giao cơ sở hạ tầng cho chính quyền địa phương quản lý.

Những hoạt động của các hạng mục công trình kể trên làm phát sinh các vấn đề như khí thải, bụi, ồn, chất thải rắn, nước thải sinh hoạt.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Các sản phẩm của cơ sở là hệ thống cơ sở hạ tầng của khu đô thị đã được xây dựng hoàn chỉnh và khu nhà chung cư, các khu nhà ở liên kế đã xây dựng sẵn (bao gồm 86 căn nhà ở liên kế đáp ứng cho 430 người và 100 căn hộ trong khu chung cư nhà ở xã hội đáp ứng cho 250 người).

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất của cơ sở

 Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu:

Hầu hết các hạng mục công trình của cơ sở hiện nay đã xây dựng hoàn thiện nên không phát sinh nhu cầu nguyên liệu để xây dựng. Trong quá trình vận hành có thực hiện cải tạo, sửa chữa một số hạng mục nhỏ như: cải tạo kho lưu giữ chất thải nguy hại, thay mới gạch lát bị nứt vỡ,... với lượng nguyên liệu không nhiều. Ước tính cụ thể lượng nguyên liệu sử dụng như sau:

Bảng 1. 2. Khối lượng vật tư, nguyên liệu cho việc sửa chữa phát sinh

TT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng/tháng
1	Cát xây dựng	m ³	0,2
2	Gạch đá các loại	m ³	0,3
3	Xi măng	kg	400

[Nguồn: Công ty TNHH An Phú Cần Thơ]

Loại hình của cơ sở là Khu đô thị vì vậy trong quá trình hoạt động không sử dụng nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trạm biến áp 150 kVA được định kỳ bảo trì bảo dưỡng và hiện chưa có sự cố hư hỏng phát sinh cần phải thay mới thiết bị.

Hiện hạng mục nhà hàng chưa được triển khai thực hiện và chưa có kế hoạch xây dựng nên chưa đánh giá lượng nguyên liệu sử dụng trong giai đoạn xây dựng và vận hành nhà hàng. Khi có kế hoạch đầu tư xây dựng cho hạng mục này, chủ cơ sở sẽ tiến hành thực hiện thủ tục môi trường theo quy định.

 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:

Chủ cơ sở đã trang bị 01 máy phát điện dự phòng công suất 150 kVA (Máy phát điện dự phòng Cummins, xuất xứ Trung Quốc), sử dụng nhiên liệu là dầu DO với mức tiêu hao nhiên liệu khoảng 20 lít dầu/giờ. Khi có sự cố mất điện, máy phát điện dự phòng vận hành để phục vụ các công trình chung như: Hệ thống xử lý nước thải, đèn chiếu sáng ở khu vực sảnh, đường đi,... không cấp điện cho từng hộ cá nhân sử dụng nên lượng nhiên liệu tiêu hao không đáng kể. Khi cần sử dụng nhiên liệu cơ sở sẽ mua tại trạm xăng dầu gần khu vực, không dự trữ nhiên liệu tại cơ sở.

 Nhu cầu sử dụng hóa chất:

Các loại hóa chất chủ cơ sở sử dụng trong quá trình hoạt động của cơ sở bao gồm: Các loại phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật để chăm sóc cây xanh trong khuôn viên cơ sở và hóa chất khử trùng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung. Khối lượng hóa chất cơ sở sử dụng như sau:

- Phân bón các loại: Trung bình khoảng 1.000 kg/năm.
- Hóa chất bảo vệ thực vật các loại: Trung bình khoảng 2 kg/năm.
- Hóa chất khử trùng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung: Hóa chất khử trùng cơ sở sử dụng là Clorine dạng viên nén (có khối lượng 200gr/viên) với khối lượng sử dụng trung bình khoảng 5 viên/tháng.

Chủ cơ sở chỉ thực hiện lưu trữ hóa chất khử trùng tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung của cơ sở, không thực hiện lưu trữ các loại phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật tại cơ sở.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước tối đa của Khu đô thị như sau:

*** Nước cấp cho sinh hoạt:**

Ước tính nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt của cơ sở khoảng 150 lít/người/ngày.đêm (theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và

công trình – Yêu cầu thiết kế). Với quy mô dân số của cơ sở là 680 người, như vậy nhu cầu sử dụng nước tối đa cho sinh hoạt của cơ sở sẽ là:

$$680 \text{ người} \times 150 \text{ lít/người/ngày.đêm} = 102 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

** Nước cho tưới cây, rửa đường:*

+ Tưới cây: Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước cho tưới vườn hoa, công viên là 3 lít/m²/ngày.đêm, vậy lượng nước cần sử dụng là:

$$1.867 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày.đêm} = 5,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

+ Rửa đường: Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước cho rửa đường là 0,4 lít/ m²/ngày.đêm, vậy lượng nước cần sử dụng là:

$$5.496 \text{ m}^2 \times 0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày.đêm} = 2,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

** Nước cấp cho PCCC:*

$$\text{Nước cấp PCCC} = 15\text{l/s} * 2 \text{ đám cháy} * 3 \text{ giờ} = 324 \text{ m}^3$$

⇒ Như vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở trung bình khoảng 109,8 m³/ngày.đêm (không bao gồm nước cấp cho PCCC).

Bảng 1. 3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

TT	Đối tượng sử dụng nước	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày đêm)	Lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)
1	Các khu nhà ở	102	102
2	Tưới cây, rửa đường	7,8	-
3	Nước PCCC	324	-
Tổng (không bao gồm nước PCCC)		109,8	102

Hiện nay, số lượng căn hộ lấp đầy đạt 83 trên tổng số 100 căn hộ đã xây dựng. Lượng nước tiêu thụ thực tế theo hóa đơn nước trung bình khoảng 1.300 m³/tháng (tương đương khoảng 43,3 m³/ngày đêm, bao gồm cả nước tưới cây, rửa đường).

Nguồn cung cấp nước: Hệ thống cấp nước của Công ty Cổ phần cấp nước Cái Răng (theo văn bản chấp thuận đầu nối nguồn cấp nước số 18/CV-CNCR ngày 11/11/2019).

b. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện được sử dụng từ lưới điện quốc gia để phục vụ nhu cầu chiếu sáng và sinh hoạt của người dân với lượng điện năng tiêu thụ ước tính khoảng 1.000 kWh/tháng. Nguồn điện được lấy từ đường dây trung thế 22KW của khu vực chạy dọc theo tuyến đường Lê Hồng Nhi.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

** Vị trí địa lý của cơ sở:*

Cơ sở “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ” của Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được thực hiện tại phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Tổng diện tích đất của cơ sở là 17.318,5m².

Các vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

+ Phía Bắc tiếp giáp đường Lê Hồng Nhi và khu dân cư hiện hữu thuộc phường Ba Láng.

+ Phía Đông tiếp giáp Trường THCS Lê Bình và Nhà máy thuốc lá Vinataba.

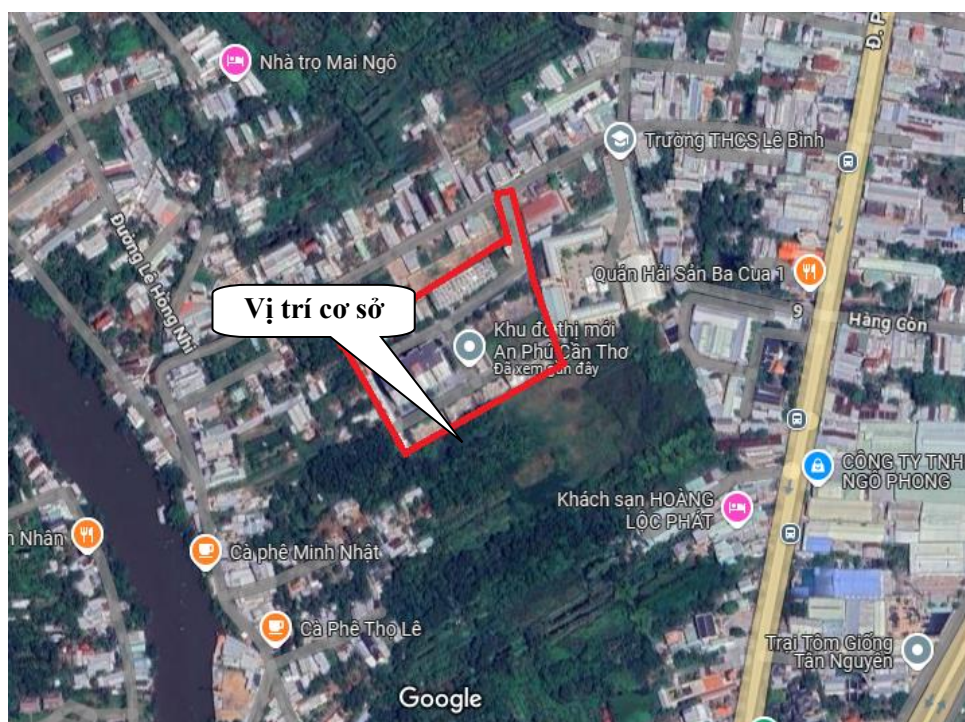
+ Phía Tây tiếp giáp khu dân cư hiện hữu thuộc phường Ba Láng.

+ Phía Nam tiếp giáp phần đất lúa thuộc phường Ba Láng.

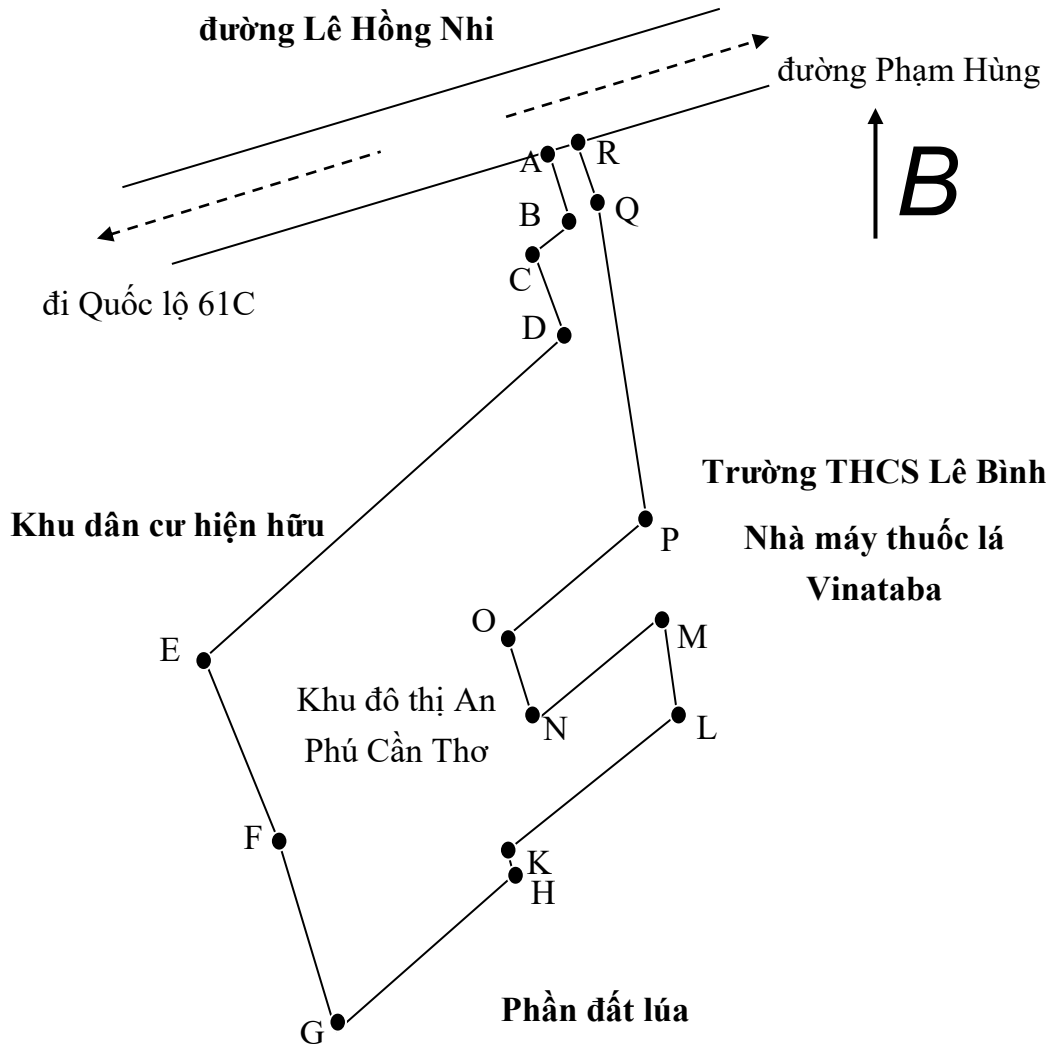
Tọa độ địa lý khu đất của cơ sở như sau:

Bảng 1. 4. Tọa độ địa lý khu đất của cơ sở

TT	Vị trí	Hệ tọa độ VN2000		STT	Vị trí	Hệ tọa độ VN2000	
		X	Y			X	Y
1	A	1104652	0581720	9	K	1104448	0581763
2	B	1104639	0581710	10	L	1104498	0581824
3	C	1104621	0581704	11	M	1104544	0581806
4	D	1104608	0581707	12	N	1104519	0581724
5	E	1104548	0581596	13	O	1104563	0581696
6	F	1104469	0581642	14	P	1104611	0581779
7	G	1104380	0581682	15	Q	1104658	0581768
8	H	1104422	0581769	16	R	1104683	0581761



Hình 1. 2. Vị trí của cơ sở trên Google Map



Hình 1. 3. Minh họa tọa độ các điểm mốc giới hạn của cơ sở

** Các quyết định, văn bản liên quan đến cơ sở:*

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1801624611, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/9/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chấp thuận đầu tư dự án “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ”.

+ Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của ủy ban nhân dân quận Cái Răng phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

+ Văn bản số 3186/SXD-QLXD ngày 01/11/2019 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ tại phường Ba Láng, quận Cái Răng do Công ty TNHH An Phú Cần Thơ làm chủ đầu tư.

+ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 35/GXN-STNMT ngày 18/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc Công ty TNHH An Phú Cần Thơ xin chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 1) để đầu tư xây dựng dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ tại phường Ba Láng, quận Cái Răng.

+ Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc Công ty TNHH An Phú Cần Thơ chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 2) để đầu tư xây dựng dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ tại phường Ba Láng, quận Cái Răng.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 61/GP-UBND ngày 10/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228855 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 14/4/2020.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228856 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228857 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228858 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228859 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228860 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228861 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228862 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228863 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy phép xây dựng số 73/GPXD ngày 10/12/2019 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình Chung cư nhà ở xã hội thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

+ Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 20/3/2020 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình hạng mục nhà ở liên kế (mẫu A, mẫu B) và hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

+ Giấy phép xây dựng số 53/GPXD ngày 22/7/2020 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình hạng mục nhà ở liên kế (các khu A1, A3, A4, B2, C, D) thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 464/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 09/10/2019.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 394/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 09/9/2020.

+ Văn bản số 225/NT-PCSPCCC&CNCH ngày 23/9/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ.

+ Văn bản số 04/NT-PCSPCCC&CNCH ngày 07/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ.

+ Văn bản số 18/CV-CNCR ngày 11/11/2019 của Công ty Cổ phần cấp nước Cái Răng về việc chấp thuận đầu nôi nguồn cấp nước cho dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

+ Văn bản số 3565/SXD-HTKT ngày 09/11/2020 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc đầu nôi thoát nước Dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

+ Văn bản số 281/SXD-TTQLN&CLCT ngày 25/01/2024 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nghiệm

thu hoàn thành các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật phải bàn giao cho địa phương quản lý của Chủ đầu tư hạng mục tuyến cống thoát nước nằm bên ngoài ranh Dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú.

+ Văn bản số 588/SXD-QLN ngày 05/3/2020 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với Chung cư nhà ở xã hội thuộc Dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

+ Văn bản số 2507/SXD-HTKT ngày 21/8/2024 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc phản hồi công văn số 2188/UBND ngày 07/8/2024 của UBND quận Cái Răng tham vấn việc xả nước thải của dự án vào hạ tầng kỹ thuật.

+ Hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 53-1/2025/HĐDV.CR ngày 31/3/2025 giữa Ban quản trị nhà chung cư An Phú Centerpoint và Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ.

** Tổ chức quản lý và thực hiện dự án đầu tư:*

Khi triển khai dự án, Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Khi công trình xây dựng hoàn thành, Ban quản lý dự án sẽ tiến hành nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

Đối với tòa chung cư nhà ở xã hội, sau khi thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng toàn bộ các căn hộ nhà ở chung cư, Chủ cơ sở sẽ tiến hành bàn giao cơ sở hạ tầng của nhà chung cư cho Ban quản trị chung cư quản lý. Hiện nay, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ đã chuyển nhượng quyền sử dụng của toàn bộ các căn hộ tại khu nhà chung cư và đã thực hiện bàn giao quyền quản lý chung cư cho Ban quản trị. Ban quản trị nhà chung cư chịu trách nhiệm về tình hình an ninh trật tự công cộng, vệ sinh môi trường, vận hành và sửa chữa hệ thống kỹ thuật (hệ thống điện, hệ thống cấp – thoát nước, máy bơm nước, máy phát điện, thang máy, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy) của toàn bộ nhà chung cư.

Đối với các khu nhà ở liên kế, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ sẽ tự quản lý mà không thực hiện bàn giao lại các khu nhà này cho địa phương quản lý.

Công ty TNHH An Phú Cần Thơ sẽ tự chịu trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ Khu đô thị và chịu trách nhiệm vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt yêu cầu theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển chung của thành phố Cần Thơ trên cơ sở các quyết định sau:

- Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung của thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 1533/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội chung thành phố Cần Thơ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Cái Răng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị TP. Cần Thơ giai đoạn 2015 – 2020.

- Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của UBND TP. Cần Thơ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của quận Cái Răng.

*** Mối quan hệ với các cơ sở khác xung quanh:**

Vị trí của khu đô thị phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần phát triển đô thị, tạo công ăn việc làm và điều kiện an cư cho các hộ dân. Cơ sở góp phần vào ổn định tình hình xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Khu đô thị thuộc khu vực trung tâm quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, dân cư sinh sống đông đúc, ngoài ra cơ sở còn tiếp giáp với tuyến giao thông đường QL61C và đường Phạm Hùng nên thuận lợi cho việc giao thương, mua bán, đi lại của các phương tiện vận chuyển hàng hóa, cộng đồng dân cư và khách vãng lai.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được xây dựng riêng, tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước thải sử dụng ống HDPE kích thước đường ống D300. Nước thải phát sinh được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại

sau đó được thu gom xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 150 m³/ngày.đêm. Nước thải đầu ra đạt Cột A QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường Lê Hồng Nhi.

Khí thải, mùi hôi: phát sinh chủ yếu từ khu vực chứa rác và hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau: thu gom và xử lý lượng chất thải rắn phát sinh hằng ngày từ đường giao thông, cống rãnh, từ hệ thống xử lý nước thải, phòng ngừa khả năng phân hủy hữu cơ phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường.

- Chất thải sinh hoạt: đơn vị thu gom thực hiện thu gom từng nhà dân theo qui định của địa phương; chủ cơ sở bố trí các thùng chứa tại khu vực công cộng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vãng lai từ khu vực công cộng, công viên cây xanh, trường mẫu giáo ... Rác thải được xe thu gom vận chuyển xử lý trong ngày, không để rác tồn đọng qua đêm tại khu tập kết với tần suất 01 lần/ngày.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Lượng bùn phát sinh từ bể SBR được tuần hoàn xử lý và định kỳ thu gom chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển với tần suất định kỳ 06 tháng/lần.

- Chất thải nguy hại: Chủ dự án đầu tư xây dựng kho chất thải nguy hại với diện tích 10m² có kết cấu nền bê tông gờ chắn nước mưa, mái lợp tole, gắn cửa ra vào và dẫn nhãn nguy hại. Bên cạnh đó, Chủ dự án thực hiện hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

Các loại chất thải rắn được quản lý đúng theo quy định của chính quyền địa phương hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đúng quy định. Nước thải được xử lý tại chỗ đạt quy chuẩn môi trường sau đó xả thải ra nguồn tiếp nhận. Tại cơ sở chỉ diễn ra các hoạt động sinh hoạt thường ngày, không có hoạt động kinh doanh sản xuất nên nguồn phát sinh khí thải hàng ngày chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu đô thị, nguồn khí thải này được phát tán trong không gian rộng và khí thải từ các phương tiện giao thông cũng được kiểm soát, kiểm định phù hợp với tiêu chuẩn môi trường.

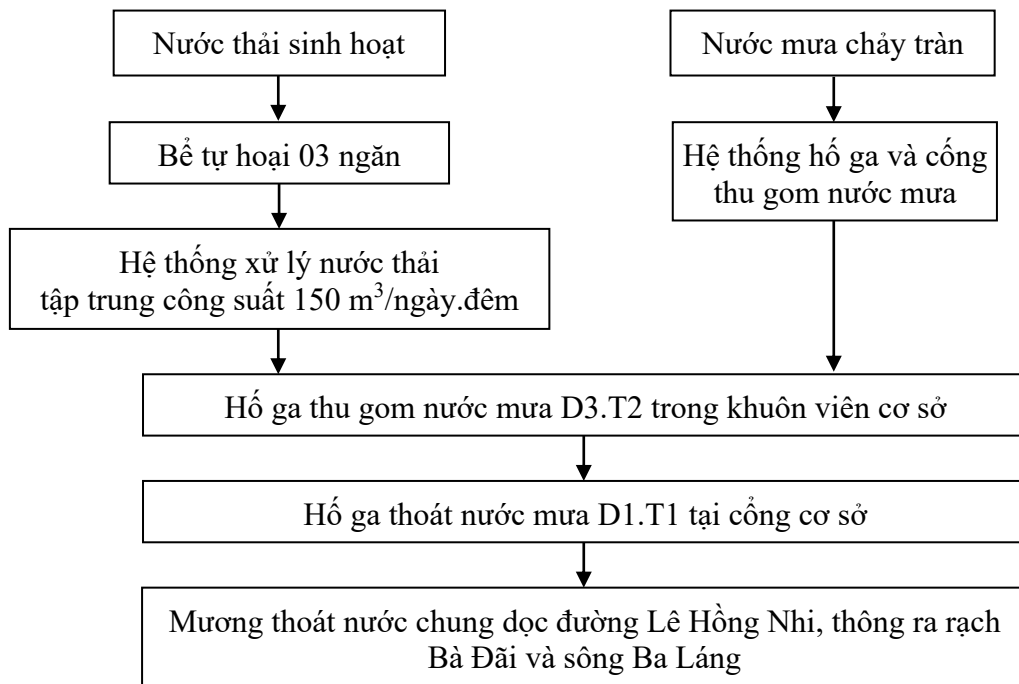
Từ đó cho thấy cơ sở đầu tư hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải của khu đô thị được thiết kế tách biệt hoàn toàn, được thu gom theo hai hệ thống cống riêng biệt bố trí bao quanh khuôn viên của khu đô thị. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa, nước thải của cơ sở được mô tả trong hình dưới đây:



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải của cơ sở

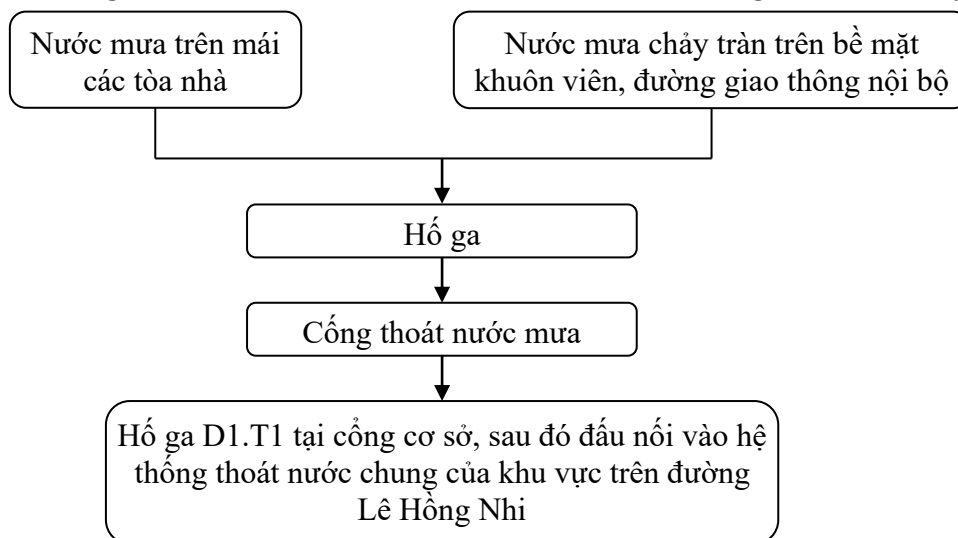
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hiện tại, chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng hoàn thiện toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa cho cơ sở. Hệ thống thu gom thoát nước mưa của cơ sở được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ bằng cống tròn BTCT đường kính từ D400 đến D600 thu về hệ thống thoát nước chung của đô thị dọc theo tuyến đường Lê Hồng Nhi. Trên mạng lưới thoát nước bố trí các hố ga thu nước, khoảng cách giữa các hố ga trung bình từ 20-30m. Hiện có 36 hố ga thoát nước mưa, có lưới chắn rác và đã được đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị tại vị trí hố ga D1.T1 tại cổng dự án (trên đường Lê Hồng Nhi).

Đối với nước mưa trên mái các khu nhà ở: bao gồm cống thoát nước kín xây dựng xung quanh các khu nhà, tập trung nước mưa từ trên mái nhà đổ xuống và dẫn đến hệ thống cống ngầm thoát nước mưa dọc theo các đường nội bộ. Nước mưa trên khu vực sân bãi và đường nội bộ sẽ chảy vào các hố ga thu nước được xây dựng dọc

theo lề đường dẫn đến cống thoát nước mưa chung, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm đầu.

Sơ đồ thu gom nước mưa của khu đô thị được mô tả trong hình dưới đây:



Hình 3. 2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

Từ hố ga D1.T1, cơ sở đầu tư thêm một tuyến cống chạy dọc theo vỉa hè đường Lê Hồng Nhi (cống tròn BTCT D600), băng qua hố ga A19 thoát nước trên đường Lê Hồng Nhi, xả ra rạch Bà Đãi và sông Ba Láng. Đoạn cống thoát nước nằm ngoài ranh dự án có chiều dài 255m do Công ty TNHH An Phú đầu tư xây dựng *(đã được sự chấp thuận của Sở Xây dựng tại Văn bản số 3565/SXD-HTKT ngày 09/11/2020)*. Hiện tại, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ đã hoàn thành hệ thống cống thoát nước này và đã được Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ nghiệm thu tại Văn bản số 281/SXD-TTQLN&CLCT ngày 25/01/2024.

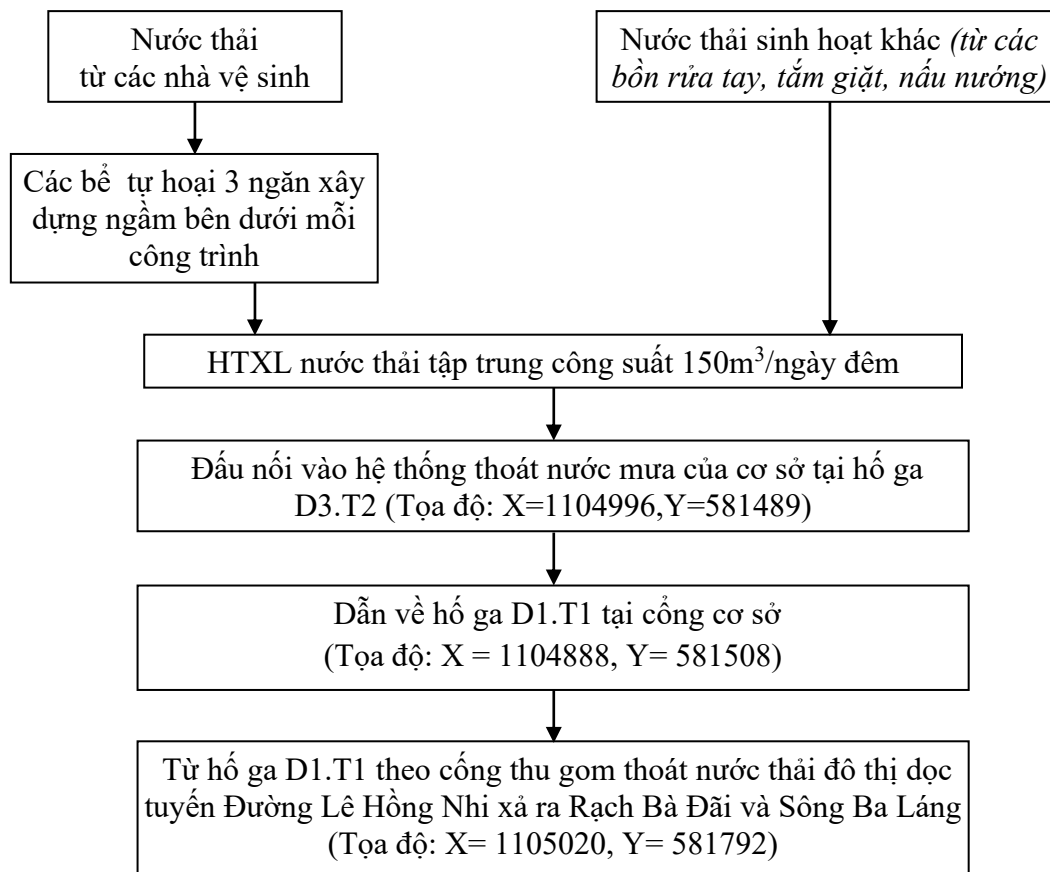
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở chỉ bao gồm nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân sinh sống trong Khu đô thị. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trong khu đô thị sẽ được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn xây dựng ngầm bên dưới mỗi công trình, sau đó theo đường ống HDPE dẫn vào hệ thống cống thu gom nước thải chung bằng BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) trước khi đầu nối vào hố ga thoát nước mưa D3.T2 trong khuôn viên cơ sở, sau đó chảy đến hố ga D1.T1 tại cổng cơ sở và thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Lê Hồng Nhi. Hệ thống cống thu gom nước thải được bố trí ngầm dưới vỉa hè dọc hai bên đường, song song với hệ thống cống thu gom nước mưa. Tỉnh không tối thiểu giữa cống nước mưa và cống nước thải là 0,5m; khoảng cách trung bình giữa các hố ga thu nước thải là 30,8m.

Từ hố ga D1.T1, cơ sở đầu tư thêm một tuyến cống chạy dọc theo vỉa hè đường Lê Hồng Nhi (cống tròn BTCT D600), băng qua hố ga A19 thoát nước trên đường Lê Hồng Nhi, xả ra rạch Bà Đãi và sông Ba Láng. Đoạn cống thoát nước nằm ngoài ranh

dự án có chiều dài 255m do Công ty TNHH An Phú đầu tư xây dựng (đã được sự chấp thuận của Sở Xây dựng tại Văn bản số 3565/SXD-HTKT ngày 09/11/2020). Hiện tại, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ đã hoàn thành hệ thống cống thoát nước này và đã được Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ nghiệm thu tại Văn bản số 281/SXD-TTQLN&CLCT ngày 25/01/2024.

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở như sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở

Việc xả nước thải của cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 61/GP-UBND ngày 10/11/2020, nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là hệ thống thu gom thoát nước đô thị trên đường Lê Hồng Nhi (hệ thống thoát nước này dẫn về Rạch Bà Đãi). Tọa độ vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý là X=1104996,Y=581489; Tại vị trí đầu nối từ hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải nội bộ đầu nối với hệ thống thu gom thoát nước của khu vực tại vị trí hố ga D1.T1 ngay cổng cơ sở, tọa độ vị trí X = 1104888, Y= 581508. Nước thải dẫn theo hệ thống thoát nước đô thị xả ra Rạch Bà Đãi tại vị trí có tọa độ X= 1105020, Y= 581792 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).

3.1.3. Xử lý nước thải

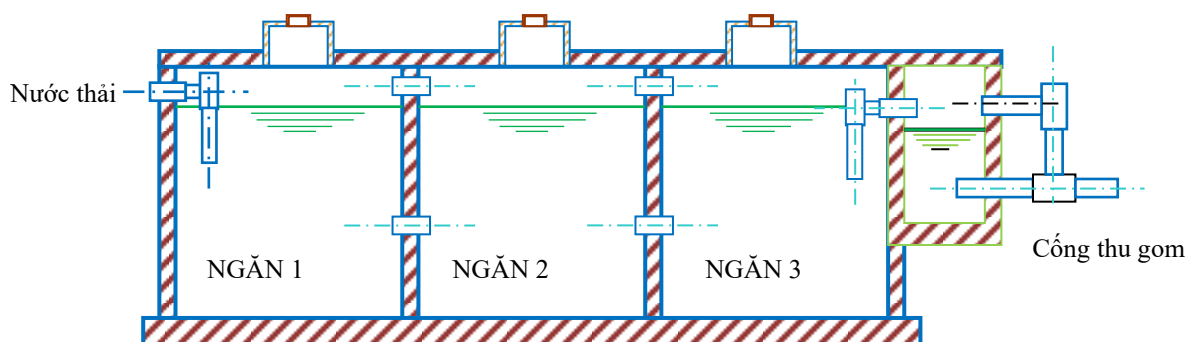
a. Công trình tiền xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà ở liên kế và nhà chung cư được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại xây dựng ngầm bên dưới mỗi công trình.

Hiện tại, cơ sở đã xây dựng hoàn thiện 02 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 40m^3 ($20\text{m}^3/\text{bể}$) để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tòa nhà chung cư trước khi dẫn vào HTXL nước thải tập trung công suất $150\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm hiện có của cơ sở để xử lý.

Đối với các khu nhà ở liên kế: Chủ cơ sở chỉ thực hiện xây phần khung nhà thô, các hộ dân mua nhà sẽ tự xây dựng bể tự hoại theo thiết kế chung của khu đô thị. Dự kiến thể tích bể tự hoại tại mỗi công trình nhà ở liên kế có thể tích $3\text{m}^3/\text{bể}$. Cơ sở có tổng số 86 căn nhà ở liên kế, như vậy tổng thể tích các bể tự hoại tại các công trình nhà ở liên kế là 258m^3 . Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi căn nhà liên kế sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu đô thị để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $150\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm hiện có của cơ sở để xử lý.

- Công nghệ, quy trình vận hành của các bể tự hoại như sau:



Hình 3. 4. Cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động:

Nước thải được thu gom vào ngăn lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang ngăn phân huỷ yếm khí. Ở ngăn phân huỷ yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH_4 , CO_2 , ... khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua ngăn lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn ra ngoài. Phần bùn được giữ lại trong các ngăn lắng, định kỳ thực hiện việc nạo vét, hút bùn trong các ngăn lắng.

Phương pháp sinh học yếm khí là thực hiện quá trình oxy hoá nhờ các enzym của vi sinh vật yếm khí. Các vi sinh vật yếm khí sẽ sử dụng các chất hữu cơ, một số chất vô cơ có trong nước thải trong điều kiện không có oxy để phát triển sinh khối. Số lượng sinh khối sẽ tăng lên và bám dính lại với nhau thành các khối có trọng lượng và thể tích tăng dần.

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 3-6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.

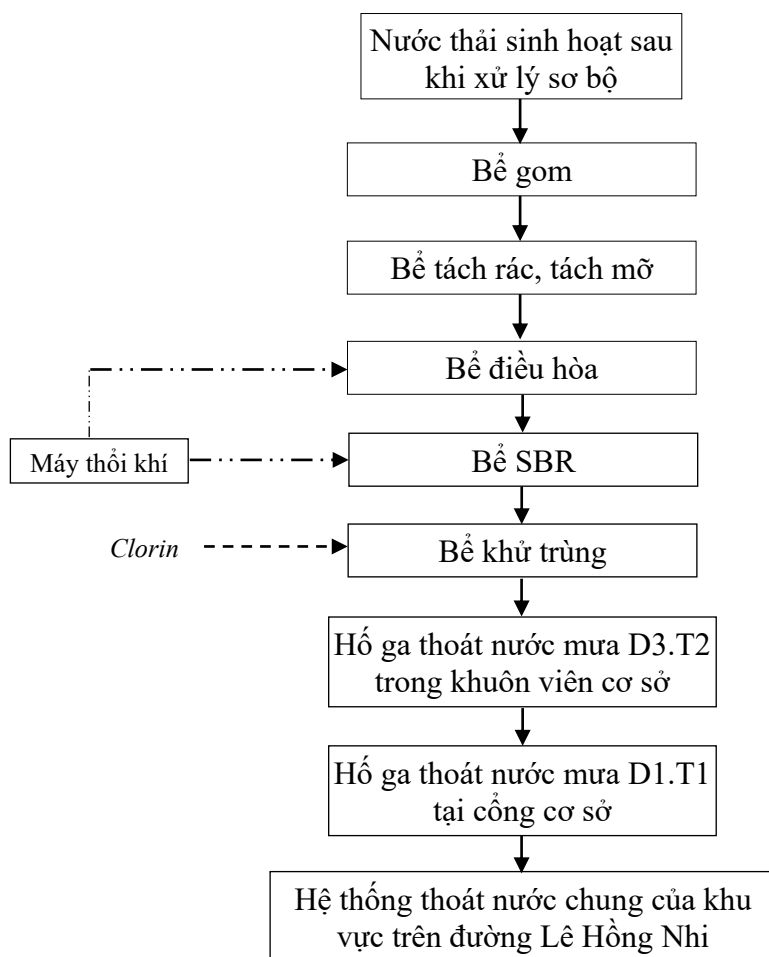
- Kết cấu của bể tự hoại:

- + Thành bể xây bằng gạch đặc M75 (gạch có cấp độ bền B5), độ dày 200mm, trát vữa xi măng cát vàng M75, dày 20mm.
- + Đáy bể đổ bằng tám đan bê tông cốt thép mác 200, độ dày là 300mm.
- + Nắp bể đổ tám đan bê tông cốt thép mác 200, độ dày là 200mm.

b. Công trình xử lý nước thải tập trung

Hiện tại, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ đã xây dựng hoàn thiện 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm (sử dụng công nghệ SBR) để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở. HTXL nước thải tập trung của cơ sở được xây dựng ngầm bên dưới lô đất cây xanh (CX1), do Công ty TNHH Môi trường Quang Minh thiết kế và thi công.

Sơ đồ quy trình công nghệ HTXL nước thải tập trung hiện có của cơ sở như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ HTXL nước thải tập trung của cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ:

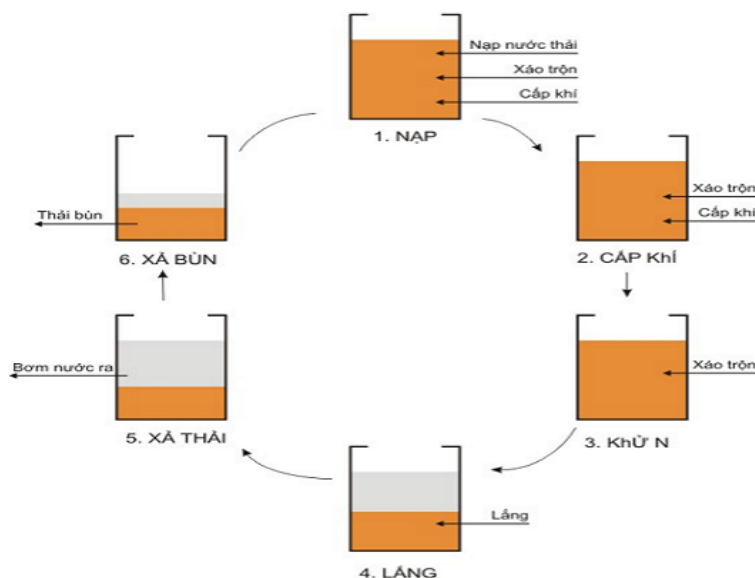
Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn xây dựng ngầm bên dưới mỗi công trình trước khi dẫn vào bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ các bồn rửa tay, nhà bếp, nhà tắm sẽ được dẫn trực tiếp vào bể gom để thu gom nước thải, giúp ổn định lưu lượng nước thải vào các bể xử lý tiếp theo. Tại bể gom có lắp đặt giỏ chắn rác giúp loại bỏ các loại rác thải có kích thước lớn trước khi bơm sang bể tách mỡ, tách rác.

Bể tách mỡ, tách rác có kết cấu gồm 2 ngăn, giúp loại bỏ dầu mỡ và rác thải có kích thước nhỏ hơn ra khỏi dòng nước thải trước khi dẫn sang bể điều hòa.

Bể điều hòa có nhiệm vụ trộn đều nước thải, cân bằng về nồng độ và tải trọng các chất ô nhiễm như COD, BOD,... kiểm soát sự thay đổi bất thường về lưu lượng trong suốt thời gian xả nước thải. Tại bể điều hòa có bố trí hệ thống sục khí thô để trộn đều nước thải, giảm mùi cho công trình.

Tại bể SBR, nước thải được xử lý bằng phương pháp sinh học. Các chất dinh dưỡng sẽ được thêm vào bể để tạo môi trường sống cho các vi sinh vật. Công nghệ xử lý nước thải bằng bể SBR là công nghệ xử lý nước thải theo mẻ. Quá trình xử lý nước thải tại bể SBR được diễn ra qua các pha: Pha làm đầy, pha phản ứng + thổi khí, pha lắng, rút nước, ngưng. Minh họa quá trình xử lý nước thải tại bể SBR như sau:

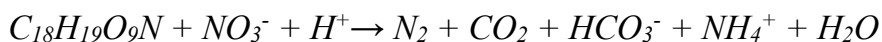


Hình 3. 6. Minh họa công nghệ xử lý nước thải SBR

+ *Pha làm đầy:* Ở pha này, nước thải sẽ được bơm trực tiếp vào bể và xử lý trong vòng từ 1 - 3 tiếng đồng hồ. Lúc này trong bể SBR trong xử lý nước thải diễn ra các hoạt động phản ứng theo mẻ nối tiếp nhau: Làm đầy tĩnh, làm đầy có xáo trộn và làm đầy có sục khí. Các quá trình này phụ thuộc vào hàm lượng BOD đầu vào. Pha làm đầy khi bổ sung nước thải vào bể đồng thời mang theo một lượng thức ăn cho các vi khuẩn nên có thể thúc đẩy quá trình phản ứng sinh hóa.

+ *Pha sục khí:* Tại pha này sẽ thực hiện quá trình sục khí hoặc làm thoáng bề mặt nhằm cung cấp oxy vào nước và giúp khuấy trộn đồng đều nước thải với bùn hoạt

tính có trong bể. Việc này nhằm tạo phản ứng sinh hóa giữa nước thải và bùn hoạt tính diễn ra thuận lợi. Thời gian này có thể kéo dài trung bình khoảng 2 giờ. Trong pha sục khí, quá trình Nitrat hóa chuyển từ Nitơ từ dạng N-NH₃ sang N-NO₂ và nhanh chóng chuyển sang N-NO₃. Tổng hợp phương trình phản ứng khi sử dụng chất hữu cơ từ nguồn nước thải (C₁₈H₁₉O₉N) như sau:



+ *Pha lắng*: Ở pha này, các chất rắn lơ lửng sẽ lắng dần trong nước, quá trình này diễn ra trong môi trường tĩnh. Thời gian lắng và cô đặc bùn trong bể bùn hoạt tính thường nhỏ hơn 2 tiếng đồng hồ.

+ *Pha rút nước*: Phần nước trong phía trên bể SBR sau thời gian lắng được bơm ra khỏi bể SBR. Phần nước lẫn cặn và phần bùn lắng định kỳ sẽ được hút bớt một phần ra khỏi bể và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Phần nước trong sau khi rút ra khỏi bể SBR sẽ được dẫn sang bể khử trùng.

- Tại bể khử trùng, hóa chất Clorin (dạng viên nén) sẽ được thêm vào để tiêu diệt các vi sinh vật có hại. Nước thải sau khi ra khỏi bể khử trùng đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1) được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Lê Hồng Nhi.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện có của cơ sở như sau:

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật các bể xử lý HTXLNT tập trung của cơ sở

TT	Tên bể	Kích thước (dài x rộng x sâu)	Thể tích (m ³)	Kết cấu
1	Bể gom	2,2m x 1,8m x 4m	19,84	BTCT
2	Bể tách mỡ, tách rác	3,1m x 1,6m x 3m	14,88	BTCT
3	Bể điều hòa	5,4m x 3m x 3m	48,6	BTCT
4	Bể SBR	8,46m x 5,4m x 3m	137,052	BTCT
5	Bể khử trùng	2m x 1,6m x 3m	9,6	BTCT

[Nguồn: Công ty TNHH An Phú Cần Thơ]

Bảng 3. 2. Các loại máy móc, thiết bị lắp đặt trong HTXLNT của cơ sở

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
I	Bể gom	
1	Bơm chìm bể gom	- Công suất: 1,5-2,5HP - Điện áp: 380V - Lưu lượng: 6-36m³/h - Cột áp H (m): 3-17,9m - Xuất xứ: Italy - Số lượng: 02 cái
2	Rọ chắn rác	- Vật liệu: SUS 304 - Gia công chế tạo theo thiết kế của nhà thầu - Số lượng: 01 cái
3	Phao báo mức	- Phao báo mức dạng quả

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:
Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ*

		- Xuất xứ: Việt Nam, Đài Loan - Số lượng: 02 cái
II	Bể điều hòa	
1	Bơm chìm nước thải	- Công suất: 1,5-2,5HP - Điện áp: 380V - Lưu lượng: 6-36m³/h - Cột áp H (m): 3-17,9m - Xuất xứ: Italy - Số lượng: 01 cái
2	Phao báo mức điện cực	- Nguồn điện cấp: 110/220 V/AC - Sử dụng điều khiển 2 mức ON/OFF - Tần số: 50/60 Hz - Que điện cực: 3 que - Điện áp điện cực: 8 V/AC - Xuất xứ: Nhật Bản - Số lượng: 01 bộ
3	Hệ thống phân phối khí bể điều hòa	- Cung cấp khí dạng bọt thô dưới đáy bể. Dùng để đảo trộn và điều hòa lưu lượng nước trong bể. - Chế tạo & Lắp đặt theo bản vẽ thiết kế của nhà thầu - Số lượng: 01 bộ
4	Giá đỡ ống phân phối khí	- Chế tạo và lắp đặt theo bản vẽ thiết kế của nhà thầu. - Vật liệu SUS304 - Số lượng: 01 bộ
III	Bể SBR	
1	Bơm chìm nước thải	- Công suất: 1,5-2,5HP - Điện áp: 380V - Lưu lượng: 6-36m³/h - Cột áp H (m): 3-17,9m - Xuất xứ: Italy - Số lượng: 01 cái
2	Máy thổi khí đặt cạn	- Lưu lượng (Q): 1,09 - 5,17 m³/phút - Cột áp (H): 1 - 9 m - Công suất: P = 2,2-5,5kW - Điện áp: 380V/3pha/50Hz - Phụ kiện đi kèm: Van 1 chiều, bộ đỡ, ống giảm thanh, bầu lọc khí, khớp nối mềm, đồng hồ đo áp lực, van an toàn, puly, dây culoa - Xuất xứ: Đài Loan - Số lượng: 01 bộ
3	Đĩa phân phối khí	- Kiểu: đĩa, bọt tinh - Lưu lượng: Q = 2 - 6 m³/h, - Lưu lượng max: Q = 10 m³/h, - Đường kính đĩa : 270mm - Vật liệu : màng EPDM, khung PP - Xuất xứ: Đức - Số lượng: 01 bộ
4	Giá đỡ ống phân phối khí	- Gia công chế tạo theo thiết kế của nhà thầu - Vật liệu: SUS304 - Số lượng: 01 bộ

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:
Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ*

5	Phao báo mức điện cực	- Nguồn điện cấp: 110/220 V/AC - Sử dụng điều khiển 2 mức ON/OFF - Tần số: 50/60 Hz - Que điện cực: 3 que - Điện áp điện cực: 8 V/AC - Xuất xứ: Nhật Bản - Số lượng: 01 bộ
IV	Bể khử trùng	
1	Hộp, máng khử trùng	- Dùng để phân phối dòng chảy và đặt viên nén khử trùng. - Chế tạo theo thiết kế của nhà thầu - Số lượng: 01 bộ

[Nguồn: Công ty TNHH An Phú Cần Thơ]

** Các loại hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải của cơ sở:*

Danh mục các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành HTXL nước thải của cơ sở như sau:

Bảng 3.3. Danh mục hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải của cơ sở

TT	Hóa chất sử dụng	Đơn vị	Khối lượng sử dụng
1	Clorin (dạng viên nén)	viên/tháng	5

** Định mức tiêu hao năng lượng của hệ thống:* Theo số liệu thống kê của chủ cơ sở, lượng điện năng tiêu thụ cho HTXL nước thải tập trung trung bình khoảng 4.600 kWh/tháng.

** Quy trình quản lý và vận hành HTXL nước thải của cơ sở:*

- *Quy trình quản lý HTXL nước thải:* Chủ cơ sở sẽ cử cán bộ môi trường phụ trách quản lý, vận hành các hệ thống xử lý nước thải của cơ sở. Cán bộ phụ trách chịu trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo nước thải đầu ra đạt giới hạn cho phép theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

- *Quy trình vận hành HTXL nước thải:*

❖ *Công tác kiểm tra, chuẩn bị:*

+ Kiểm tra hệ thống đường ống, van khóa: Kiểm tra đường ống cấp khí và đường ống dẫn nước thải, nước cấp bị rò rỉ, tắc nghẽn hoặc vỡ không. Kiểm tra các van đã nằm đúng vị trí đóng/mở theo trạng thái hoạt động chưa.

+ Kiểm tra hệ thống điện điều khiển: Kiểm tra hệ thống tủ điện điều khiển xem có hoạt động không; các đèn báo dừng, chạy, quá tải; các vị trí có khả năng rò điện, đứt dây.

❖ *Hướng dẫn vận hành:*

+ Hệ thống điều khiển: Tủ điện điều khiển ngoài các chức năng thông thường như đóng, mở nguồn điện, dẫn nguồn điện đến các thiết bị, chỉ thị các thông số như dòng điện, điện thế, trạng thái làm việc hay nghỉ của thiết bị, còn có khả năng kiểm

soát tự động điều kiện làm việc an toàn cho các thiết bị trong hệ thống. Ngoài chế độ điều khiển tự động, tủ điện còn cho phép thực hiện chế độ điều khiển bằng tay. Lưu ý: Chế độ điều khiển bằng tay chỉ được sử dụng khi thực hiện công tác kiểm tra thiết bị và phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện an toàn.

+ Quy trình vận hành:

./ Bước 1: Mở van: Sau khi công tác kiểm tra, chuẩn bị hóa chất hoàn thành, mở hoặc đóng các van khóa theo hướng dẫn. Các van khóa được thiết lập sẵn trong quá trình vận hành chạy thử.

./ Bước 2: Cài đặt hẹn giờ: Cài đặt hẹn giờ theo hướng dẫn.

./ Bước 3: Cấp nguồn điện: Nguồn điện được cấp qua Aptomat tổng. Bật Aptomat tổng (nếu chưa bật).

./ Bước 4: Khởi động các thiết bị: Chuyển hệ thống sang chế độ chạy tự động bằng cách gạt các công tắc trên tủ điện sang chế độ Auto. Sau một thời gian hoạt động, các bể lọc có thể bị tắc hoặc giảm lưu lượng lọc, khi đó cần sục rửa bể lọc.

./ Bước 5: Bổ sung dung dịch Javen vào bồn chứa: Quan sát định lượng về tần suất thực tế bổ sung Javen vào bồn chứa. Tiến hành định lượng và bổ sung dung dịch Javen vào bồn nhựa, sau đó đặt lại vị trí ban đầu.

./ Bước 6: Bổ sung dinh dưỡng: Quan sát định lượng về tần suất thực tế bổ sung dinh dưỡng (rỉ đường) vào bể SBR.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Hoạt động của khu đô thị không phát sinh khí thải. Tuy nhiên có phát sinh một số nguồn ô nhiễm không khí dạng không tập trung hoặc gián đoạn như sau:

- Nguồn khí thải, bụi từ phương tiện giao thông (từ các phương tiện ra vào khu đô thị như xe máy, ô tô cá nhân,...);
- Ô nhiễm mùi hôi từ khu vực xử lý nước thải, khu chứa chất thải rắn sinh hoạt,...
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

Biện pháp bảo vệ môi trường đối với từng nguồn phát sinh được thực hiện bằng các giải pháp kỹ thuật ngay từ lúc thiết kế ban đầu và chủ yếu là công tác quản lý được mô tả như sau:

Đối với khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng:

Cơ sở chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi gặp sự cố trên lưới điện. Thông số hoạt động của máy phát điện như sau:

+ Công suất: 150 KVA.

- + Số lượng: 01 máy.
- + Loại nhiên liệu sử dụng: Dầu DO hàm lượng S = 0,05%.
- + Định mức tiêu thụ nhiên liệu: 25 lít/giờ/máy (khi máy chạy toàn tải).
- Mức phát thải ước tính theo định mức khí thải trên 1 tấn dầu được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 4. Tải lượng và nồng độ khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu)	Tải lượng ô nhiễm (mg/s)	Nồng độ (mg/m ³)	Nồng độ (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K _p = 1, K _v = 0,6)
1	Bụi	0,28	29,367	7,368	8,70	120
2	SO ₂	20*S	1,049	0,263	0,31	300
3	NO ₂	2,84	297,869	74,737	88,20	510
4	CO	0,71	74,467	18,684	22,05	600
5	VOC	0,035	3,671	0,921	1,09	-

Máy phát điện tại Cơ sở chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện do vậy tác động không thường xuyên và lượng khí thải không phát sinh nhiều. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải đều thấp hơn quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, lượng khí thải này được phát tán qua ống khói thải có chiều cao phù hợp để không gây ảnh hưởng đến môi trường.

Do đó, Chủ cơ sở không đầu tư hệ thống xử lý khí thải của máy phát điện mà chỉ thực hiện các công tác quản lý như sau:

- + Nền móng đặt máy phát điện được xây bằng bê tông, có lắp đặt thêm các đệm chống rung bằng cao su, bộ phận tiêu âm.
- + Sử dụng loại dầu diesel 0,05% S, vừa phù hợp với các quy định về nhập khẩu dầu và vừa đảm bảo các thông số của quy chuẩn môi trường cho phép.
- + Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

 Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:

Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông được đánh giá là nguồn thải gián đoạn và phân tán, mức độ tác động không lớn. Đây là nguồn thải phân tán, do đó chỉ áp dụng các phương án quản lý kết hợp các công trình xây dựng đi kèm, cụ thể như sau:

- Cơ sở hạ tầng nội bộ được xây dựng hoàn chỉnh: hệ thống đường giao thông nội bộ được quy hoạch đảm bảo thuận tiện giữa bên trong và bên ngoài, giữa các khu chức năng với nhau đảm bảo tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật; Các tuyến đường nội bộ được trải nhựa, sân bãi được bê tông hóa;
- Điều chỉnh phương tiện giao thông lưu thông trong khu đô thị hợp lý;
- Các phương tiện giao thông lưu thông trong khu đô thị được bố trí hợp lý, có sự hướng dẫn của nhân viên bảo vệ, yêu cầu giảm tốc độ khi ra vào khu đô thị;

- Đảm bảo diện tích cây xanh tại khu vực cơ sở đúng theo quy hoạch được duyệt; Khuôn viên của khu đô thị còn có khu vực công viên cây xanh và thể dục thể thao với diện tích 1.867 m² ngoài mục đích phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân còn đồng thời góp phần giúp môi trường không khí xung quanh cơ sở được tốt hơn. Ngoài ra, Chủ cơ sở sẽ phủ kín các bãi trống bằng cỏ, cây xanh bao bọc xung quanh khu vực cơ sở và đường giao thông thiết kế rộng. Chủ đầu tư áp dụng biện pháp trồng cây xanh tán thấp kết hợp với cây tán cao. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe.

Mùi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải:

- Rác thải phát sinh từ hộ gia đình được phân loại bỏ vào túi nilon buộc kín và tập kết vào các thùng rác thể tích 240l có nắp đậy, bên cạnh đó khu vực tập kết rác cách xa khu nhà ở nên hạn chế tình trạng mùi hôi gây ảnh hưởng đến người dân.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom rác thải sinh định kỳ 01 lần ngày vào thời điểm cố định trong ngày.

- Thay thế nắp cống hỏng, định kỳ 06 tháng đến 01 năm tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

- Chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực công cộng được lưu trữ trong thùng chứa rác kín và được thu gom hàng ngày nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của mùi hôi.

- Thùng chứa rác thải sinh hoạt tập trung tại các khu công cộng được vệ sinh thường xuyên.

- Điểm tập kết rác tạm có mái che tránh nước mưa rơi vào làm ô nhiễm bên ngoài. Thùng được bố trí kín nên nước rỉ rác phát sinh ra là không có.

- Không để rác rơi vãi ra bên ngoài thùng và quét dọn vệ sinh sạch sẽ điểm tập kết rác sau mỗi buổi.

Mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung:

Do hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở sử dụng công nghệ vi sinh SBR để xử lý nước thải nên lượng khí phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải không lớn, tại khu vực hệ thống xử lý nước thải hầu như không có mùi hôi tuy nhiên vẫn cần có biện pháp khống chế lượng khí thải này, các biện pháp giảm thiểu được áp dụng như sau:

- Khu vực xử lý nước thải được bố trí cách ly với các khu vực khác;

- Trồng cây xanh khu vực xung quanh khuôn viên khu đô thị và khu vực hệ thống xử lý nước thải để vừa hấp thụ các khí thải phát sinh, vừa điều hòa vi khí hậu;

- Bố trí các nắp đậy cho tất cả các bể trong hệ thống xử lý, thường xuyên kiểm tra các thiết bị sục khí tránh hư hỏng, việc sục khí đều đặn nhằm cung cấp đầy đủ

lượng oxy sẽ làm tăng sự hoạt động của các vi sinh hiếu khí từ đó mùi sẽ được hạn chế phát sinh;

- Thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện sự cố và khắc phục ngay để tránh những vấn đề ô nhiễm kèm theo.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Nguồn phát sinh:* Đặc trưng hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống tại Khu đô thị.

- *Thành phần, khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh:* Chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, bao bì, túi nilon, giấy vệ sinh, thùng carton,... với khối lượng phát sinh trung bình khoảng 164 kg/ngày. Bên cạnh đó, khi cơ sở đi vào hoạt động sẽ có phát sinh bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khi hoạt động ổn định với công suất trên 70%; ước tính khối lượng bùn sẽ phát sinh khoảng 20 kg/ngày.đêm tuy nhiên lượng bùn này chỉ phát sinh khi HTXLNT hoạt động ổn định, công suất đạt trên 70%; trong điều kiện bình thường lượng bùn vi sinh dư được hoàn lưu toàn bộ để tái tạo vi sinh và làm dinh dưỡng cho vi sinh phát triển, nên thông thường sẽ không phát sinh bùn vi sinh.

- *Biện pháp thu gom, lưu giữ:* Chủ cơ sở đã bố trí 05 thùng rác bằng nhựa HDPE thể tích 240 lít có nắp đậy để tránh nước mưa và đặt tại khu vực tập kết rác (diện tích khoảng 5 m²) được bố trí giữ khoảng cách đối với khu nhà ở. Khu vực tập kết rác có sàn bê tông, tuy không có mái che tuy nhiên rác được để trong các thùng có nắp đậy kín nên tránh nước mưa. Rác thải phát sinh từ hộ gia đình được cột kín trong túi nilon, và tập kết về khu vực chứa rác. Chủ cơ sở đại diện ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển lượng chất thải này với tần suất 01 lần/ngày, phân công nhân viên quét dọn vệ sinh mỗi ngày không để rác thải ứ đọng lại cho nên không gây mùi hôi và ô nhiễm tại khu vực tập kết rác. Ngoài ra, chủ cơ sở còn bố trí thùng rác dọc theo hai bên vỉa hè của hệ thống giao thông trong khu đô thị để thu gom rác thải của đô thị, công viên cây xanh và thể dục thể thao. Khoảng cách giữa các thùng rác khoảng 100m.

- *Biện pháp quản lý, xử lý chất thải:* Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định. Hiện tại, Ban quản trị nhà chung cư An Phú Centerpoint đã thay mặt Công ty TNHH An Phú Cần Thơ ký hợp đồng với Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ để vận chuyển toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đi xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động của các hộ dân sinh sống trong khu đô thị.

- *Thành phần và khối lượng:* Do đặc trưng loại hình của cơ sở là khu đô thị nên chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, ắc quy

thải. Ngoài ra có lượng chất thải phát sinh trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc cụ thể là dầu nhớt thải và giẻ lau dính dầu. Chất thải nguy hại sẽ gây ảnh hưởng đối với môi trường nếu không được thu gom và quản lý đúng quy định. Thành phần chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu của khu đô thị được liệt kê cụ thể như sau:

Bảng 3. 5. Thành phần, khối lượng CTNH và chất thải phải kiểm soát phát sinh tại cơ sở

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	20	NH
2	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10	KS
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	30	NH
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	15	NH

- *Biện pháp thu gom, lưu giữ:* Toàn bộ chất thải nguy hại tại khu đô thị được thu gom và lưu trữ tạm thời tại kho chứa có diện tích khoảng 10 m² được bố trí tại tầng 1 của tòa nhà chung cư. Chủ cơ sở bố trí 04 thùng kín loại 240l, có nắp đậy và dán nhãn, đánh mã số theo quy định. Chất thải nguy hại sẽ được thu gom, phân loại, dán nhãn định kỳ chứa trong nhà lưu trữ tạm chất thải nguy hại trước khi chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Kho lưu chứa chất thải nguy hại được xây dựng đúng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che tránh nắng, mưa; có gờ chắn đảm bảo chất thải không tràn đổ, rò rỉ ra ngoài; phía trước kho lưu giữ chất thải nguy hại có bố trí thiết bị, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố gồm: bình chữa cháy, thùng cát khô và xẻng để xử lý khi có sự cố rò rỉ; có biển dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định.

- *Biện pháp quản lý, xử lý chất thải:* Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định. Hiện tại, do cơ sở chưa phát sinh chất thải nguy hại, do đó cơ sở chưa thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý. Khi cơ sở phát sinh chất thải nguy hại, chủ cơ sở sẽ thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.5. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh tại khu đô thị chủ yếu là từ hoạt động của các phương tiện giao thông và tiếng ồn từ hoạt động của các công trình của khu đô thị; đây là những nguồn gián đoạn và không thường xuyên; tùy tình hình thực trạng hoạt động, do vậy các giải pháp chủ yếu là giải pháp quản lý.

Quy định tốc độ của phương tiện giao thông và hạn chế sử dụng còi trong khu đô thị.

Bố trí cây xanh khuôn viên khu đô thị đúng theo quy hoạch được duyệt để tạo bóng mát và hấp thu tiếng ồn.

Quy định về thời gian sinh hoạt gây tiếng ồn cao như hát karaoke không quá 22 giờ, đối với các hoạt động tiệc tùng có phát sinh tiếng ồn cao cần liên hệ xin phép ban quản lý khu đô thị hoặc nhà văn hóa của khu vực.

Hệ thống xử lý nước thải giữ khoảng cách với khu vực dân cư nên tiếng động từ máy bơm nước không gây ảnh hưởng.

Bố trí máy phát điện dự phòng có khoảng cách đối với khu nhà ở và chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng trong trường hợp cần thiết.

Hạng mục nhà hàng chưa xây dựng nên chưa có cơ sở đánh giá. Chủ đầu tư sẽ thực hiện thủ tục môi trường đánh giá tác động của hạng mục này khi có kế hoạch triển khai xây dựng.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Đối với sự cố cháy nổ

- Lắp đặt thiết bị PCCC tuân thủ đúng quy định kỹ thuật; kiểm tra và bảo trì các thiết bị định kỳ, phát hiện và sửa chữa kịp thời các bộ phận hư hỏng; xây dựng hệ thống báo động tự động khi phát hiện có sự cố;

- Hệ thống đường dây tải điện trong khu vực cơ sở phải được bảo vệ an toàn; ban hành nội quy về an toàn điện, an toàn trong sử dụng gas cho các đối tượng sinh sống trong khu vực cơ sở;

- Các tuyến đường nội bộ trong phạm vi cơ sở được thiết kế với độ rộng đủ để các phương tiện chữa cháy có thể di chuyển dễ dàng trong trường hợp sự cố có phát sinh;

- Kiểm tra định kỳ (mỗi tháng) hoạt động của các thiết bị PCCC để đảm bảo xử lý kịp thời và hiệu quả khi sự cố phát sinh;

- Tổ chức học tập cho người dân về công tác phòng cháy chữa cháy, tổ chức diễn tập cách thức ứng phó sự cố và cách thức trình báo khi phát hiện sự cố xảy ra;

- Trang bị đầy đủ các phương tiện về chống cháy: lắp đặt đúng vị trí và số lượng.

- Hệ thống chữa cháy công cộng khu vực đô thị cần được thiết kế đúng theo quy hoạch đã được cơ quan chức năng phê duyệt và cần được vận hành thường xuyên đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị đã được Phòng cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 394/TD-PCCC

ngày 09/09/2020 và nghiệm thu tại Văn bản số 225/NT-PCSPCCC&CNCH ngày 23/9/2020.

- Khu chung cư đã được Phòng cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 464/TD-PCCC ngày 09/10/2019 và nghiệm thu hệ thống PCCC tại Văn bản số 04/NT-PCSPCCC&CNCH ngày 07/01/2021.

b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố từ hệ thống xử lý nước thải

Biện pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố từ hệ thống xử lý nước thải được thực hiện như sau:

- Cần duy trì thường xuyên và đúng quy định hoạt động của hệ thống xử lý nước thải;

- Không xử lý quá tải;

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kiểm tra hóa chất sử dụng và chất lượng nước thải đầu ra.

Để phòng ngừa và ứng phó các sự cố từ hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp kiểm soát như sau:

Phân công nhân viên của công ty (chủ cơ sở/cán bộ của BQL dự án) vận hành, thường xuyên kiểm tra hệ thống (nguồn điện, hoạt động của máy bơm, lưới chắn rác và các thiết bị khác, lên kế hoạch bảo trì sửa chữa thiết bị),... Thường xuyên cử nhân viên vận hành đi đào tạo, tập huấn về quản lý và vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Túc trực, thường xuyên theo bằng cảm quan và thu mẫu quan trắc định kỳ.

Các tình huống liên quan đến HTXL nước thải tập trung và quy trình ứng phó được mô tả trong bảng 3.6 như sau:

Bảng 3. 6. Sự cố khẩn cấp liên quan đến nước thải và quy trình ứng phó

TT	Tình huống khẩn cấp	Nguyên nhân tác động	Quy trình ứng phó
1	Mất điện	Do sự cố chập điện hoặc cúp điện có thông báo/ không thông báo từ điện lực. Việc mất điện dẫn đến các thiết bị máy móc sẽ không hoạt động làm cho quá trình xử lý nước không đảm bảo theo yêu cầu	Bước 1. Báo cáo cho tổ điện thông qua điện thoại về sự cố mất điện một số thông tin sơ bộ như vị trí mất điện, nguyên nhân ban đầu mất điện, vùng bị tác động bởi sự cố mất điện. Bước 2. Nhân viên tổ điện tiến hành đồng thời 2 phương án: Một: đầu dây chuyển nguồn sang máy phát điện dự phòng, chạy máy phát điện, vận hành hệ thống bình thường; Hai: Tiến hành xác định nguyên nhân, khoanh vùng vị trí gây sự cố mất điện. Bước 3. Tiến hành sửa chữa và đấu lại đường dây và nguồn điện cho hệ thống.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:
Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ*

			Bước 4. Tắt máy phát điện sau khi có điện hoặc đường điện được sửa chữa xong. <i>Ghi chú: Tắt cả các quy trình đều phải tuân thủ nguyên tắc an toàn khi làm việc với điện.</i>
2	Sự cố thiết bị, bể chứa, đường ống	Do bị va chạm, va đập hoặc thiết bị đường ống lâu ngày bị xuống cấp dẫn đến bị hư hỏng. Sự cố này làm ảnh hưởng đến quá trình thu gom, vận hành và xử lý của hệ thống nước thải	Bước 1. Nhân viên vận hành kiểm tra, xác định và khoanh vùng các vị trí bị hư hỏng. <i>Lưu ý: Nhân viên khi thực hiện kiểm tra phải tuân thủ các quy định về an toàn điện, không gian hạn chế, phòng chống té ngã, hoá chất, bảo hộ lao động...</i> Bước 2: Thông báo cho các bộ phận liên quan (nếu có) nhằm đưa ra các phương án xử lý nhanh nhất và tốt nhất. Bước 3: Tiến hành sửa chữa và kiểm tra lại hiệu quả của việc sửa chữa. Bước 4: Trường hợp các sự cố hư hỏng thiết bị, đường ống, bể chứa được giải quyết triệt để thì cho vận hành hệ thống lại bình thường.
3	Sự cố chất lượng nước thải không đạt yêu cầu, máy móc hư	Việc chất lượng nước thải đầu ra không đảm bảo theo yêu cầu do nhiều yếu tố gây nên như sự thay đổi lưu lượng và nồng độ COD; Do sục khí; Do sinh khối; Dư /thiếu hoá chất. Điều này sẽ gây ra việc xả thải mà chưa đảm bảo các yêu cầu theo tiêu chuẩn và có thể gây ra ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận.	Bước 1: Khi phát hiện nước thải đầu ra có sự cố, nhân viên vận hành hệ thống cần khoá van nước thải và thông báo cáo cho quản lý để thực hiện các bước tiếp theo. Bước 2: Thực hiện tuần hoàn nước về các bể trước xử lý hoặc phương án thuê đơn vị thu gom (bỏ trí bồn, bể lưu chứa nước tạm). Bước 3: Sau khi xử lý bước 3, thực hiện ngay việc phân tích nguyên nhân và thực hiện các bước xử lý vấn đề. Bước 4: Thực hiện cải thiện một số vấn đề thường gặp khi sự cố chất lượng nước không đạt yêu cầu. Bước 5: Người vận hành sau khi thực hiện các biện pháp cải thiện cần thiết thì kiểm tra lại chất lượng nước. Trường hợp chất lượng nước đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn xả thải thì tiến hành bước tiếp theo là mở van xả, vận hành hệ thống như bình thường.
4	Thiên tai (lũ lụt, động đất, sóng thần,...)	Tác động bởi điều kiện thiên nhiên, có thể gây ra hư hỏng thiết bị, vỡ, tràn hệ thống gây ra ô nhiễm nguồn nước mặt/ nước ngầm	Sự cố thiên tai là điều không mong muốn xảy ra, tuy nhiên việc tác động của các thiên tai gây ảnh hưởng rất đến tình trạng ô nhiễm môi trường nếu chúng ta không quản lý tốt hệ thống nước thải. Các thiên tai hiện nay thường được trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia dự báo với tỷ lệ tương đối chính xác, do đó đây là kênh thông tin quan trọng cho việc ứng phó trước, trong và sau thiên tai. Trường hợp sự cố nghiêm trọng xảy ra do tác động thiên tai gây nên như vỡ hệ thống, tràn, ngập thì phải báo ngay cho các cơ quan liên quan nhằm đưa ra phương án ứng phó tối ưu, giảm thiểu tác động đến môi trường

c. Biện pháp phòng chống ngập úng

- Khơi thông cống, rãnh để tiêu thoát nước, tránh xảy ra ngập úng.
- Tần suất đỉnh lũ tại trạm thủy văn là +1,92m (mức cao độ Quốc gia). Trong khi cao độ nền của cơ sở là +2,5m nên vấn đề ngập úng lo lũ lụt là chưa ghi nhận.
- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng ống tròn BTCT ly tâm Ø800, Ø600, Ø400, độ dốc $i \geq 1/D \%$ nên vấn đề thoát nước rất tốt.

d. Biện pháp sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong khuôn viên khu đô thị

Việc trồng và chăm sóc cây xanh chủ yếu là tưới nước và cắt tỉa mỗi ngày. Rất ít khi phải dùng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với liều lượng nhỏ. Tuy nhiên, để giảm thiểu những tác động của thuốc bảo vệ thực vật đối với sức khỏe của người dân trong khu vực, kiểm soát bằng các biện pháp sau:

- + Sử dụng thuốc có nguồn gốc sinh học (dạng chế phẩm vi nấm) để hạn chế dịch hại và bảo vệ được các loại thiên địch;
- + Tuân thủ đúng liều lượng và hướng dẫn của nhà sản xuất;
- + Cán bộ làm việc trực tiếp tại công đoạn này sẽ được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đặc biệt là khẩu trang phòng độc để giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng;
- + Sau khi bàn giao về cho địa phương quản lý, việc chăm sóc cây xanh do địa phương bố trí thực hiện.

e. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải nguy hại

Kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng đúng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che tránh nắng, mưa; có gờ chắn đảm bảo chất thải không tràn đổ, rò rỉ ra ngoài;

Phía trước kho lưu giữ chất thải nguy hại có bố trí thiết bị, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố gồm: bình chữa cháy, thùng cát khô và xẻng để xử lý khi có sự cố rò rỉ. Bên trong và bên ngoài kho có gắn biển cảnh báo theo đúng quy định.

g. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố tại khu vực tập kết chất thải rắn

Chủ cơ sở bố trí thùng rác bằng nhựa HDPE có nắp đậy để tránh nước mưa và đặt tại khu vực tập kết rác được bố trí giữ khoảng cách đối với khu nhà ở.

Khu vực tập kết rác có sàn bê tông, tuy không có mái che tuy nhiên rác được để trong các thùng có nắp đậy kín nên tránh nước mưa.

Rác thải phát sinh từ hộ gia đình được cột kín trong túi nilon, và tập kết về khu vực chứa rác. Chủ cơ sở đại diện ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển lượng chất thải này với tần suất 01 lần/ngày, phân công nhân viên quét dọn

vệ sinh mỗi ngày không để rác thải ùn ứ lại cho nên không gây mùi hôi và ô nhiễm tại khu vực tập kết rác.

Trường hợp có xảy ra việc ùn ứ do đơn vị thu gom không thể đến thu gom trong ngày, cơ sở sẽ tiến hành mua thêm thùng chứa rác dung tích lớn có nắp đậy để đảm bảo điều kiện lưu chứa kín, an toàn, ko gây mùi hôi.

Chủ cơ sở phối hợp chính quyền địa phương tuyên truyền vận động người dân thực hành phân loại rác thải tại nguồn nhằm tăng cường tái chế tái sử dụng rác thải và hạn chế lượng rác thải phát sinh.

h. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và an ninh trật tự

Phối hợp tốt với chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự khu vực.

Phân công lực lượng bảo vệ túc trực tại cổng cơ sở, ra vào phải có sự giám sát của lực lượng bảo vệ 24/24.

Người dân sinh sống tại khu đô thị chủ yếu là công nhân viên chức có công ăn việc làm ổn định, có lối sống sinh hoạt văn hóa, chấp hành tốt quy định pháp luật.

Cấm tập trung mua bán, tụ tập đông người tổ chức đánh bài bạc và các hành vi vi phạm pháp luật trong khu vực đô thị, nếu phát hiện có hành vi nghi ngờ sẽ trình báo cơ quan chức năng ở địa phương để theo dõi, xử lý.

Xe đi vào khu vực đô thị có quy định về tốc độ tối đa, có bố trí khu vực đậu đỗ xe theo quy chuẩn thiết kế khu đô thị. Ngoài ra, đô thị được thẩm duyệt đạt yêu cầu về diện tích vỉa hè, sân chơi đảm bảo đầy đủ không gian vui chơi cho trẻ em, tập thể dục cho người đi bộ không lấn sang phần đường giao thông.

i. Biện pháp giảm thiểu, ứng phó sự cố tại khu vực trạm điện

- Trạm điện là nơi có điện áp cao nên được xây dựng rào bao quanh đảm bảo hành lang an toàn và tiêu chuẩn xây dựng theo đúng quy định (Biên bản ngày 22/9/2020 của Công ty Điện lực Cần Thơ về việc nghiệm thu công trình đường dây hạ áp - Dự án chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ) và đã được Sở Công thương Cần Thơ nghiệm thu (Công văn số 389/SCT-QLNL ngày 25 tháng 2 năm 2021 của Sở Công thương về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục: hệ thống đường dây trung áp ngầm, 02 trạm biến áp 22/04kV-560kVA và đường dây hạ thế).

- Khi phát hiện có sự cố lập tức trình báo cơ quan có thẩm quyền và đơn vị có chức năng để kịp thời khắc phục.

3.7. Các nội dung thay đổi so với kế hoạch bảo vệ môi trường

Các nội dung thay đổi so với kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ xác nhận tại Giấy xác nhận số 35/GXN-STNMT ngày 18/10/2019 được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3. 7. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở

TT	Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được duyệt	Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường	Lý do thay đổi
1	Công suất của hệ thống xử lý nước thải 120 m ³ /ngày.đêm	Công suất của hệ thống xử lý nước thải 150 m ³ /ngày.đêm	Do dòng nước thải phát sinh từ cơ sở có lưu lượng không
2	Quy trình xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Bể gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể earotank → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt	Quy trình xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Bể gom → Bể tách rác, tác mỡ → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt	ổn định, vì vậy cơ sở thực hiện điều chỉnh công nghệ xử lý nước thải từ công nghệ AO sang SBR để phù hợp với dòng nước thải phát sinh (do công nghệ SBR thực hiện xử lý theo mẻ, vì vậy dòng nước thải vào bể SBR sẽ luôn ổn định, giúp gia tăng hiệu quả xử lý).

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tòa nhà chung cư.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà ở liên kề.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước chung của khu vực trên đường Lê Hồng Nhi dẫn vào rạch Bà Đãi.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Cống thoát nước chung của khu vực trên đường Lê Hồng Nhi, sau đó nước thải được dẫn theo cống thoát nước của khu vực xả vào rạch Bà Đãi.

- Tọa độ vị trí xả nước thải là:

+ Cống thoát nước chung của khu vực trên đường Lê Hồng Nhi: Tọa độ: X = 1104888; Y = 581508 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

+ Vị trí xả vào rạch Bà Đãi: Tọa độ: X = 1105020; Y = 581792 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày đêm)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải theo lộ trình cụ thể như sau:

+ Từ khi được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031: Áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1)	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo	mg/l	1.0		

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:
Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ*

	H ₂ S)			số 08/2022/NĐ-CP)	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	3.000		

+ Từ ngày 01/01/2032: Áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B, Bảng 1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2025/BTNMT (cột B Bảng 1)	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅	mg/l	≤ 40		
3	COD		≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/l	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6,0		
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5000		
9	Sunfua	mg/l	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

3.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở chỉ bao gồm nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân sinh sống trong Khu đô thị. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trong khu đô thị sẽ được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn xây dựng ngầm bên dưới mỗi công trình, sau đó theo đường ống HDPE dẫn vào hệ thống cống thu gom nước thải chung bằng BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) trước khi đầu nối vào hố ga thoát nước mưa D3.T2 trong khuôn viên cơ sở, sau đó chảy đến hố ga D1.T1 tại cổng cơ sở và thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Lê Hồng Nhi. Hệ thống cống thu gom nước thải được bố trí ngầm dưới vỉa hè dọc hai bên đường, song song với hệ thống

cống thu gom nước mưa. Tỉnh không tối thiểu giữa cống nước mưa và cống nước thải là 0,5m; khoảng cách trung bình giữa các hố ga thu nước thải là 30,8m.

Từ hố ga D1.T1, cơ sở đầu tư thêm một tuyến cống chạy dọc theo vỉa hè đường Lê Hồng Nhi (cống tròn BTCT D600), băng qua hố ga A19 thoát nước trên đường Lê Hồng Nhi, xả ra rạch Bà Đãi và sông Ba Láng. Đoạn cống thoát nước nằm ngoài ranh dự án có chiều dài 255m do Công ty TNHH An Phú đầu tư xây dựng (*đã được sự chấp thuận của Sở Xây dựng tại Văn bản số 3565/SXD-HTKT ngày 09/11/2020*). Hiện tại, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ đã hoàn thành hệ thống cống thoát nước nước này và đã được Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ nghiệm thu tại Văn bản số 281/SXD-TTQLN&CLCT ngày 25/01/2024.

3.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể tách rác, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng → Hố ga thoát nước mưa trong khuôn viên cơ sở → Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Lê Hồng Nhi.

- Công suất thiết kế: 150m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin dạng viên nén (khoảng 5 viên/tháng) (hoặc các hóa chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 Chương này).

3.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

3.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Cần duy trì thường xuyên và đúng quy định hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, không xử lý quá tải;

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kiểm tra hóa chất sử dụng và chất lượng nước thải đầu ra.

- Phân công nhân viên của công ty (chủ cơ sở/cán bộ của BQL dự án) vận hành, thường xuyên kiểm tra hệ thống (nguồn điện, hoạt động của máy bơm, lưới chắn rác và các thiết bị khác, lên kế hoạch bảo trì sửa chữa thiết bị),... Thường xuyên cử nhân viên vận hành đi đào tạo, tập huấn về quản lý và vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Túc trực, thường xuyên theo bằng cảm quan và thu mẫu quan trắc định kỳ.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở chủ yếu từ các phương tiện giao thông, vận tải lưu thông trong khu đô thị. Thông thường các nguồn này phát sinh từ phương tiện đã được kiểm định khi lưu hành, nên khí thải từ các nguồn này không vượt quy chuẩn cho phép, ngoài ra đây là nguồn thải khuếch tán không tập trung, không xác định được lưu lượng, do đó cơ sở không xin cấp phép đối với khí thải của phương tiện giao thông.

Ngoài ra, cơ sở có lắp đặt 01 máy phát điện dự phòng, tuy nhiên chỉ sử dụng trong trường hợp có sự cố về hệ thống lưới điện. Máy phát điện sử dụng dầu DO có tích hợp bộ xử lý khí thải và được kiểm định định kỳ đảm bảo quy chuẩn đầu ra nên tác động do khí thải của máy phát điện là không đáng kể, do đó cơ sở không xin cấp phép đối với khí thải của máy phát điện dự phòng.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- *Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:*

+ Nguồn số 1: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông, vận tải ra vào cơ sở

+ Nguồn số 2: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

+ Nguồn số 3: Từ hoạt động của máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:* Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
70	60	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

a. Chất thải rắn sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép:* Từ hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống trong Khu đô thị.

- *Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh:* Trung bình khoảng 164 kg/ngày.

- *Thành phần chất thải:* Chủ yếu gồm rau củ, vỏ trái cây thải, thức ăn thừa, túi nilon, vỏ hộp đựng thực phẩm,...

- *Phương án thu gom, lưu giữ chất thải:* Chủ cơ sở đã bố trí 05 thùng rác bằng nhựa HDPE thể tích 240 lít có nắp đậy để tránh nước mưa và đặt tại khu vực tập kết rác (diện tích khoảng 5 m²) được bố trí giữ khoảng cách đối với khu nhà ở. Khu vực tập kết rác có sàn bê tông, tuy không có mái che tuy nhiên rác được để trong các thùng có nắp đậy kín nên tránh nước mưa. Rác thải phát sinh từ hộ gia đình được cột kín trong túi nilon, và tập kết về khu vực chứa rác. Chủ cơ sở đại diện ký hợp đồng với

đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển lượng chất thải này với tần suất 01 lần/ngày, phân công nhân viên quét dọn vệ sinh mỗi ngày không để rác thải ứ đọng lại cho nên không gây mùi hôi và ô nhiễm tại khu vực tập kết rác. Ngoài ra, chủ cơ sở còn bố trí thùng rác dọc theo hai bên vỉa hè của hệ thống giao thông trong khu đô thị để thu gom rác thải của đô thị, công viên cây xanh và thể dục thể thao. Khoảng cách giữa các thùng rác khoảng 100m.

- *Biện pháp quản lý, xử lý chất thải:* Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định. Hiện tại, Ban quản trị nhà chung cư An Phú Centerpoint đã thay mặt Công ty TNHH An Phú Cần Thơ ký hợp đồng với Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ để vận chuyển toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đi xử lý theo đúng quy định.

b. Chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động của các hộ dân sinh sống trong khu đô thị.

- *Thành phần và khối lượng:* Do đặc trưng loại hình của cơ sở là khu đô thị nên chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, ắc quy thải. Ngoài ra có lượng chất thải phát sinh trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc cụ thể là dầu nhớt thải và giẻ lau dính dầu. Chất thải nguy hại sẽ gây ảnh hưởng đối với môi trường nếu không được thu gom và quản lý đúng quy định. Thành phần chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu của khu đô thị được liệt kê cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Thành phần, khối lượng CTNH và chất thải phải kiểm soát phát sinh

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	20	NH
2	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10	KS
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	30	NH
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	15	NH

- *Biện pháp thu gom, lưu giữ:* Toàn bộ chất thải nguy hại tại khu đô thị được thu gom và lưu trữ tạm thời tại kho chứa có diện tích khoảng 10 m² được bố trí tại tầng 1 của tòa nhà chung cư. Chủ cơ sở bố trí 04 thùng kín loại 240l, có nắp đậy và dán nhãn, đánh mã số theo quy định. Chất thải nguy hại sẽ được thu gom, phân loại, dán nhãn định kỳ chứa trong nhà lưu trữ tạm chất thải nguy hại trước khi chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Kho lưu chứa chất thải nguy hại được xây dựng đúng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa

chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che tránh nắng, mưa; có gờ chắn đảm bảo chất thải không tràn đổ, rò rỉ ra ngoài; phía trước kho lưu giữ chất thải nguy hại có bố trí thiết bị, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố gồm: bình chữa cháy, thùng cát khô và xẻng để xử lý khi có sự cố rò rỉ; có biển dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định.

- *Biện pháp quản lý, xử lý chất thải:* Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

** Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện:*

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, cơ sở luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

- Cơ sở đã thực hiện lập các hồ sơ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Các hồ sơ môi trường hiện có của cơ sở bao gồm:

+ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 35/GXN-STNMT ngày 18/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 61/GP-UBND ngày 10/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

- Cơ sở đã thực hiện lắp đặt HTXL nước thải tập trung theo đúng quy định.

** Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi các cơ quan có thẩm quyền:*

Trong quá trình từ khi đi vào hoạt động đến nay, cơ sở đã 03 lần gửi văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường để đề nghị được hướng dẫn thủ tục môi trường và xác định thẩm quyền cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ”, cụ thể như sau:

- Ngày 07/6/2024, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ đã gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ văn bản số 118/CV-APCT để đề nghị hướng dẫn thủ tục môi trường đối với dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ. Ngày 03/7/2024, Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ đã gửi đến Công ty TNHH An Phú Cần Thơ văn bản số 292/CCBVMT về việc hướng dẫn thủ tục môi trường đối với dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, theo đó thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của dự án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ngày 28/8/2024, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ đã gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ văn bản số 162/CV-APCT để đề nghị hướng dẫn

thủ tục môi trường đối với dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ. Ngày 04/9/2024, Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ đã gửi đến Công ty TNHH An Phú Cần Thơ văn bản số 408/CCBVMT về việc hướng dẫn thủ tục môi trường đối với dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

- Ngày 03/3/2025, Công ty TNHH An Phú Cần Thơ tiếp tục gửi Văn bản số 23-2025/CV-APCT về việc xác định thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ. Ngày 02/4/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ đã gửi đến Công ty TNHH An Phú Cần Thơ văn bản số 581/SNNMT-CCBVMT để hướng dẫn xác định thẩm quyền cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ” do Công ty TNHH An Phú Cần Thơ làm chủ đầu tư.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Tóm tắt kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải trong 02 năm 2023 và 2024 của cơ sở như sau:

* Cơ sở không phát sinh nước thải công nghiệp ra môi trường. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở trong năm 2023 và 2024 như sau:

- Năm 2023: 37.500 m³/năm.

- Năm 2024: 48.750 m³/năm.

* Kết quả quan trắc nước thải định kỳ 6 tháng đầu năm 2025 của cơ sở được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ 6 tháng đầu năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả (NT)	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,91	6-9
2	TDS	mg/L	HDCV/ĐN-H19	303	500
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	42	50
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13,8	30
5	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH	1
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ , tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	7,63	30
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻ , tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,91	6
8	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	KPH	5
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH	10
10	Amoni (NH ₄ ⁺ , tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH	5
11	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	400	3.000

Ghi chú:

- NT: Nước thải sau HTXL nước thải.
- QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện (<MDL).
- “-”: Không quy định.

Nhận xét: Từ bảng kết quả quan trắc định kỳ 6 tháng đầu năm 2025 đối với mẫu nước thải sau xử lý của cơ sở cho thấy: Tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2008/BTNMT (Cột A, K=1), từ đó cho thấy HTXL nước thải của cơ sở luôn hoạt động ổn định, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh theo đúng quy định.

5.3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

** Khối lượng các loại chất thải phát sinh trong năm 2023 của cơ sở:*

- Chất thải rắn sinh hoạt:

TT	CTR sinh hoạt	Khối lượng (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR sinh hoạt
1	CTR sinh hoạt	55	Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

- Chất thải nguy hại: Không phát sinh

** Khối lượng các loại chất thải phát sinh trong năm 2024:*

- Chất thải rắn sinh hoạt:

TT	CTR sinh hoạt	Khối lượng (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR sinh hoạt
1	CTR sinh hoạt	60	Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

- Chất thải nguy hại: Không phát sinh.

5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong 02 năm 2023 và 2024, không có đoàn kiểm tra nào về môi trường đến thanh tra, kiểm tra tại cơ sở.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Các công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm của cơ sở bao gồm:

- 01 HTXL nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm.

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

Công suất dự kiến đạt được: Khoảng 60%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Do cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, vì vậy dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý của cơ sở như sau:

* *Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý:* Không thực hiện quan trắc.

* *Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý:* Quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định, cụ thể như sau:

Bảng 6. 1. Kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định

Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
- Nước thải đầu vào: Tại bể gom của HTXL nước thải tập trung công suất 150m ³ /ngày đêm. - Nước thải đầu ra: Tại cửa xả nước thải sau xử lý của HTXL nước thải tập trung công suất 150m ³ /ngày đêm.	Mẫu đơn	Lưu lượng; pH; BOD ₅ ; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H ₂ S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1)

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Cơ sở có lưu lượng xả nước thải tối đa là 150m³/ngày đêm, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và mục số 3 Phụ lục XXVIII kèm theo

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, theo đó cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

b. Quan trắc khí thải

Cơ sở “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ” của Công ty TNHH An Phú Cần Thơ không phát sinh khí thải phải xử lý, vì vậy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ đối với khí thải.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải và khí thải.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Do cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải, do đó không phát sinh kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH An Phú Cần Thơ cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty TNHH An Phú Cần Thơ cam kết thực hiện nghiêm túc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Bụi, khí thải: Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở.

+ Đối với nước thải: Vận hành HTXL nước thải đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Chất thải nguy hại: Thu gom, lưu chứa và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong từ hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Ô nhiễm khác: Tuân thủ các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Công ty TNHH An Phú Cần Thơ cam kết thực hiện nghiêm túc về việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở, cụ thể như sau:

+ Cam kết không sử dụng các loại hoá chất trong danh mục cấm của Việt Nam và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia;

+ Cam kết đảm bảo đủ nguồn nhân lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- + Cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành;
- + Cam kết gửi báo cáo công tác BVMT định kỳ theo điều 119 Luật bảo vệ môi trường và Điều 66 thông tư 02/2022/TT-BTNMT;
- + Cam kết thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các luật liên quan đến môi trường, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường và các luật liên quan.
- + Cam kết chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại về môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường nếu để xảy ra sự cố theo quy định của pháp luật
- + Cam kết về tính đầy đủ, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1801624611, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/9/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

2. Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chấp thuận đầu tư dự án “Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ”.

3. Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của ủy ban nhân dân quận Cái Răng phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. Văn bản số 3186/SXD-QLXD ngày 01/11/2019 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ tại phường Ba Láng, quận Cái Răng do Công ty TNHH An Phú Cần Thơ làm chủ đầu tư.

5. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 35/GXN-STNMT ngày 18/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

6. Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc Công ty TNHH An Phú Cần Thơ xin chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 1) để đầu tư xây dựng dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ tại phường Ba Láng, quận Cái Răng.

7. Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc Công ty TNHH An Phú Cần Thơ chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 2) để đầu tư xây dựng dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ tại phường Ba Láng, quận Cái Răng.

8. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 61/GP-UBND ngày 10/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

9. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228855 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 14/4/2020.

10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228856 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

11. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228857 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

12. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228858 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228859 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

14. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228860 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

15. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228861 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

16. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228862 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

17. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 228863 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ.

18. Giấy phép xây dựng số 73/GPXD ngày 10/12/2019 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình Chung cư nhà ở xã hội thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

19. Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 20/3/2020 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình hạng mục nhà ở liên kế (mẫu A, mẫu B) và hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

20. Giấy phép xây dựng số 53/GPXD ngày 22/7/2020 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH An Phú Cần Thơ được phép xây dựng công trình hạng mục nhà ở liên kế (các khu A1, A3, A4, B2, C, D) thuộc dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

21. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 464/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 09/10/2019.

22. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 394/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 09/9/2020.

23. Văn bản số 225/NT-PCSPCCC&CNCH ngày 23/9/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ.

24. Văn bản số 04/NT-PCSPCCC&CNCH ngày 07/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Cần Thơ.

25. Văn bản số 18/CV-CNCR ngày 11/11/2019 của Công ty Cổ phần cấp nước Cái Răng về việc chấp thuận đấu nối nguồn cấp nước cho dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

26. Văn bản số 3565/SXD-HTKT ngày 09/11/2020 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc đấu nối thoát nước Dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

27. Văn bản số 281/SXD-TTQLN&CLCT ngày 25/01/2024 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nghiệm thu hoàn thành các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật phải bàn giao cho địa phương quản lý của Chủ đầu tư hạng mục tuyến cống thoát nước nằm bên ngoài ranh Dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú.

28. Văn bản số 588/SXD-QLN ngày 05/3/2020 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với Chung cư nhà ở xã hội thuộc Dự án Chỉnh trang và phát triển đô thị An Phú Cần Thơ.

29. Văn bản số 2507/SXD-HTKT ngày 21/8/2024 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc phản hồi công văn số 2188/UBND ngày 07/8/2024 của UBND quận Cái Răng tham vấn việc xả nước thải của dự án vào hạ tầng kỹ thuật.

30. Hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 53-1/2025/HĐDV.CR ngày 31/3/2025 giữa Ban quản trị nhà chung cư An Phú Centerpoint và Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ.